



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 14 (từ 04/4 - 08/04/2016)

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, sự thận trọng trong hoạch định chính sách tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed, tăng trưởng kinh tế của Đức tăng tốc trong quý đầu tiên năm 2016 và thông tin Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới có thể ổn định trở lại đã tác động đến thị trường hàng hóa thế giới. Xuất khẩu của Trung Quốc trong tháng 3 tăng trưởng lần đầu tiên trong 9 tháng trong khi tốc độ cho vay của ngân hàng tăng lên, đây là các dấu hiệu cho thấy nền kinh tế này đang phục hồi.

Thị trường thế giới: Nhu cầu mua mới kết hợp với những lo ngại về tác động của thời tiết khô hạn ở Thái Lan và Việt Nam là các yếu tố khiến giá gạo biến động trái chiều trên thị trường châu Á tuần qua.

Xu thế tăng chiếm ưu thế trên thị trường cao su kỳ hạn Tocom (Nhật Bản) tuần qua nhờ sự hồi phục của giá dầu và tác động kéo dài của El Nino có thể ảnh hưởng đến sản lượng cao su tại các quốc gia Đông Nam Á. Giá tiêu giao ngay lần kỳ hạn của Ấn Độ tăng liên tiếp trong bối cảnh nguồn cung tiếp tục thắt chặt.

Giá đường giảm trước các suy đoán tập đoàn dầu khí quốc gia Brazil Petrobras sẽ giảm giá xăng, một động thái có thể làm suy yếu nhu cầu nhiên liệu sinh học (ethanol) qua đó sẽ làm tăng nguồn cung mía để sản xuất đường thay vì ethanol.

Thị trường trong nước: Giá lúa cuối vụ Đông Xuân đang tiếp tục tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu mua vào của Trung Quốc gia tăng. Giá lợn hơi ở Đồng Nai tăng do Trung Quốc đẩy mạnh thu mua.

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL tăng do sản lượng nuôi trong dân bắt đầu cạn kiệt. Giá tôm nguyên liệu tuần qua tại Bạc Liêu tăng do thời tiết không thuận lợi cho việc đánh bắt và ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn nên sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy hải sản trong tỉnh giảm mạnh.

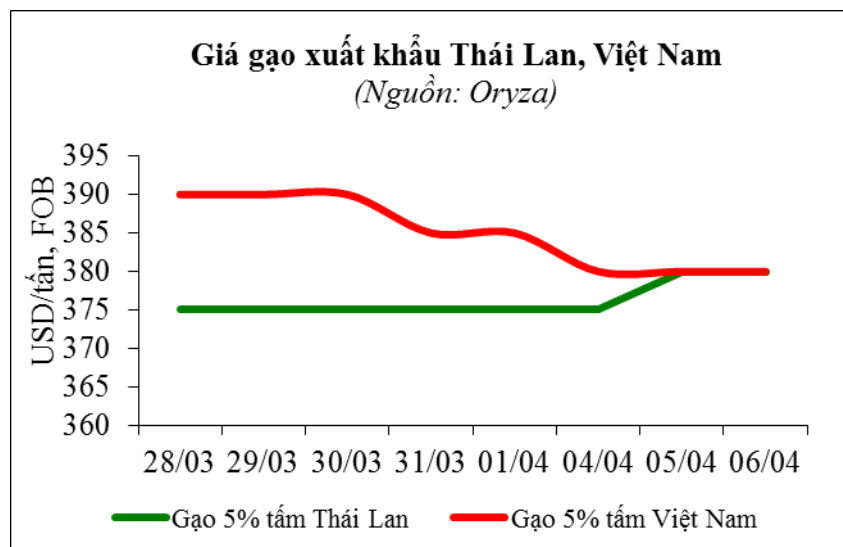
LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Nhu cầu mua mới kết hợp với những lo ngại về tác động của thời tiết khô hạn ở Thái Lan và Việt Nam là các yếu tố khiến giá gạo biến động trái chiều trên thị trường châu Á tuần qua. Thái Lan và Việt Nam, nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai và thứ ba thế giới sau Ấn Độ, đang phải đối mặt với hạn hán nghiêm trọng do El Nino gây ra từ cuối năm 2015. Xuất khẩu gạo của hai nước này chiếm 40% khối lượng thương mại gạo toàn cầu.

Gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan tuần qua tăng nhẹ từ 365 – 375 USD/tấn lên 370 – 380 USD/tấn (FOB Băng Cốc). Thị trường gạo Thái Lan đóng cửa nghỉ lễ ngày 6/4. Theo các thương nhân, khoảng cách giữa giá chào bán và giá trả đã thu hẹp do khách hàng bắt đầu tích trữ gạo do hạn hán tột độ nhất trong vòng 20 năm qua đã làm giảm năng suất lúa của nông dân Thái.

Theo báo cáo của nhóm Nghiên cứu BMI hồi cuối tháng 3/2016, giá gạo thế giới cuối cùng sẽ tăng lên do thiệt hại trong sản xuất lúa ở khu vực Đông Nam Á trong năm 2016. Giá gạo Việt Nam tuần qua đã giảm nhẹ trong bối cảnh vắng mặt của phần lớn khách hàng chủ chốt, tuy nhiên việc Trung Quốc mua vào gạo trắng và gạo tấm đã giúp giữ giá không giảm sâu. Giá gạo 5% tấm tuần qua giảm từ 380 – 390 USD/tấn xuống còn 370 – 380 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn); gạo 25% tấm giảm từ 360 – 370 USD/tấn xuống còn 355 – 365 USD/tấn, bằng giá gạo cùng loại của Thái Lan.



Tuy nhiên, việc không dự đoán được nhu cầu mua gạo của Trung Quốc đang gây khó cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam trong việc đưa ra kế hoạch trong dài hạn.

Châu Phi, một khách hàng truyền thống của gạo Việt Nam, vẫn chưa trở lại thị trường. Trong khi Phi-lip-pin đã mang nhu cầu mới trở lại với kế hoạch nhập khẩu 500.000 tấn gạo để tăng cường nguồn cung dự trữ.

LÚA GẠO



Theo hãng tin Antara, Chính phủ In-đô-nê-xia đề ra mục tiêu xuất khẩu 100.000 tấn gạo sang 10 nước châu Á và châu Âu như một phần nỗ lực tăng cường xuất khẩu nông sản trong năm nay. Bộ Nông nghiệp In-đô-nê-xia cho biết, trong số 10 điểm đến của gạo In-đô-nê-xia có Ma-lai-xia, Sing-ga-po, Bru-nây và Đức. Năm nay, Chính phủ In-đô-nê-xia sẽ thực hiện mọi nỗ lực để thu mua gạo nội địa nhằm đáp ứng các nhu cầu về gạo và phục vụ xuất khẩu. In-đô-nê-xia cần đảm bảo khả năng kiểm soát giá gạo ở mức khuyến khích nông dân bán gạo cho Chính phủ.

Trong Báo cáo Thị trường Ngũ cốc (GMR) tháng 4/2016, Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2016-2017 đạt 485 triệu tấn, tăng 2,5% so với 473 triệu tấn niên vụ 2015-2016 do sản lượng tại khu vực châu Á tăng lên. IGC cũng hạ dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2015-2016, giảm 1 triệu tấn. Theo ước tính của IGC, thương mại gạo niên vụ 2016-2017 đạt 42 triệu tấn, không đổi so với niên vụ 2015-2016. IGC dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu niên vụ 2016-2017 tăng khoảng 1% lên 489 triệu tấn so với 485 triệu tấn niên vụ 2015-2016.

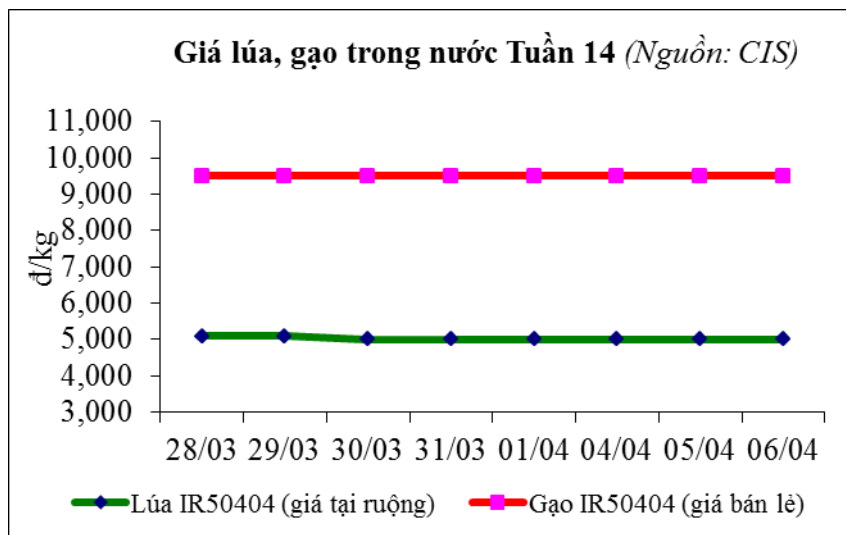
Tồn kho cuối vụ 2016-2017 ước đạt 93 triệu tấn, giảm 4% so với 97 triệu tấn niên vụ 2015-2016 do việc sử dụng gạo trong sản xuất thức ăn chăn nuôi tại nhiều nước tăng lên. Theo IGC, tồn kho gạo toàn cầu niên vụ 2015-2016 giảm mạnh từ 109 triệu tấn niên vụ 2014-2015 do tiêu thụ tăng.

Thị trường trong nước: Giá lúa cuối vụ Đông Xuân đang tiếp tục tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu mua vào của Trung Quốc tăng mạnh. Tuy giá tăng nhưng người nông dân không được hưởng lợi vì trước đó phần đông bà con nhận tiền cọc bán lúa cho thương lái với giá thấp hơn. Tại Cần Thơ, tính đến nửa cuối tháng 3, nông dân thu hoạch dứt điểm 87.000 ha lúa Đông Xuân. Hiện giá lúa khô giống IR 50404 được các doanh nghiệp thu mua của nông dân từ 5.800 - 5.900 đ/kg, giá lúa khô giống Jasmine từ 6.700 - 6.800 đ/kg, tăng bình quân 500 - 700 đ/kg so với đầu vụ. Tại nhiều địa phương khác, có thời điểm, nông dân bán lúa tại nhà cho thương lái với giá 6.200 - 6.300 đ/kg, mức giá này cao hơn 1.000 đ/kg so với hồi cuối tháng 2 và cao hơn đến 2.000 đ/kg so với cuối tháng 1. Đây cũng là mức giá cao nhất từ đầu vụ tới nay.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua biến động trái chiều, cụ thể: tại An Giang, lúa tươi IR50404 ổn định ở mức 5.000 đ/kg; lúa OM 2717 ở mức 5.150 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa tươi IR50404 ổn định ở mức 5.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa tẻ thường tăng từ 5.100 đ/kg lên 5.200 đ/kg (lúa khô); lúa dài vẫn giữ ở mức 6.300 đ/kg.

Hạn, mặn đã làm 180.000 ha lúa Đông Xuân ở ĐBSCL thiệt hại nhưng bù lại, diện tích lúa vụ Thu Đông tới ở khu vực này sẽ tăng thêm 200.000 ha nên cả nước sẽ không lo thiếu gạo xuất khẩu. Hiện nay, các huyện ở vùng Tứ giác Long Xuyên như Hòn Đất, Hà Tiên, Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đang tranh thủ tháo dỡ các đập tạm trước đó để xả mặn, làm đất.

LÚA GẠO



Nông dân ở Kiên Giang đã xuống giống được hơn 50.000 ha lúa vụ 3, chủ yếu tập trung ở các huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng và Giang Thành - những vùng ít bị ảnh hưởng bởi hạn, mặn. Ông Huỳnh Thế Năng, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, cho rằng dù hạn hán và xâm nhập mặn đã gây thiệt hại lớn đến diện tích lúa đông xuân ở ĐBSCL nhưng nếu các địa phương thực hiện đúng kế hoạch của Bộ NN-PTNT thì tổng sản lượng lúa sẽ không thấp hơn nhiều so với các năm trước. Doanh nghiệp cũng không lo thiếu gạo để xuất khẩu.

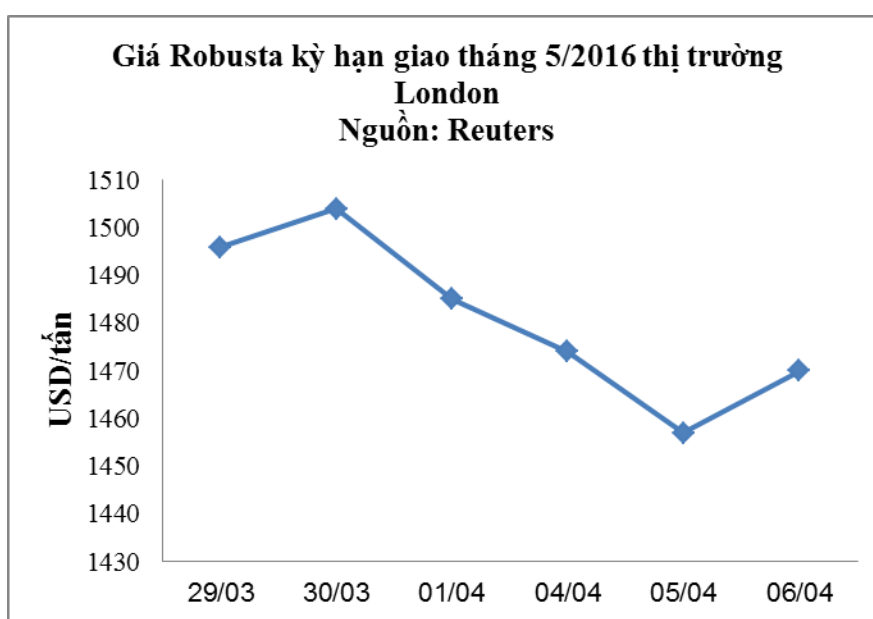
N.L.A

CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 5/2016 giảm 15 USD/tấn xuống mức 1.470 USD/tấn. Tuy nhiên, đà sụt giảm của giá Robusta chỉ ở mức thấp do thời tiết khô hạn tại nhiều vùng trồng chủ chốt tại Brazil. Hiện nhiều vùng trồng cà phê tại Việt Nam và Brazil đang đối mặt tình trạng hạn hán và điều này có thể kéo giảm triển vọng sản lượng robusta.

Xuất khẩu cà phê của Brazil trong tháng 3/2016 đạt 2.775.268 bao, giảm 85.117 bao, hay 2,98%, so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu do xuất khẩu cà phê Robusta giảm.



Theo số liệu của chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê Robusta của Đảo Sumatra trong tháng 3/2016 đạt 218.046 tấn, giảm 116.058 bao, hay 37,74%, so với tháng 3/2015. Như vậy, xuất khẩu cà phê của Đảo Sumatra trong 6 tháng đầu niên vụ tháng 10/2015 - tháng 9/2016 đạt 1.399.135 bao, giảm 615.089 bao, tương ứng 30,54%, so với cùng kỳ năm trước.

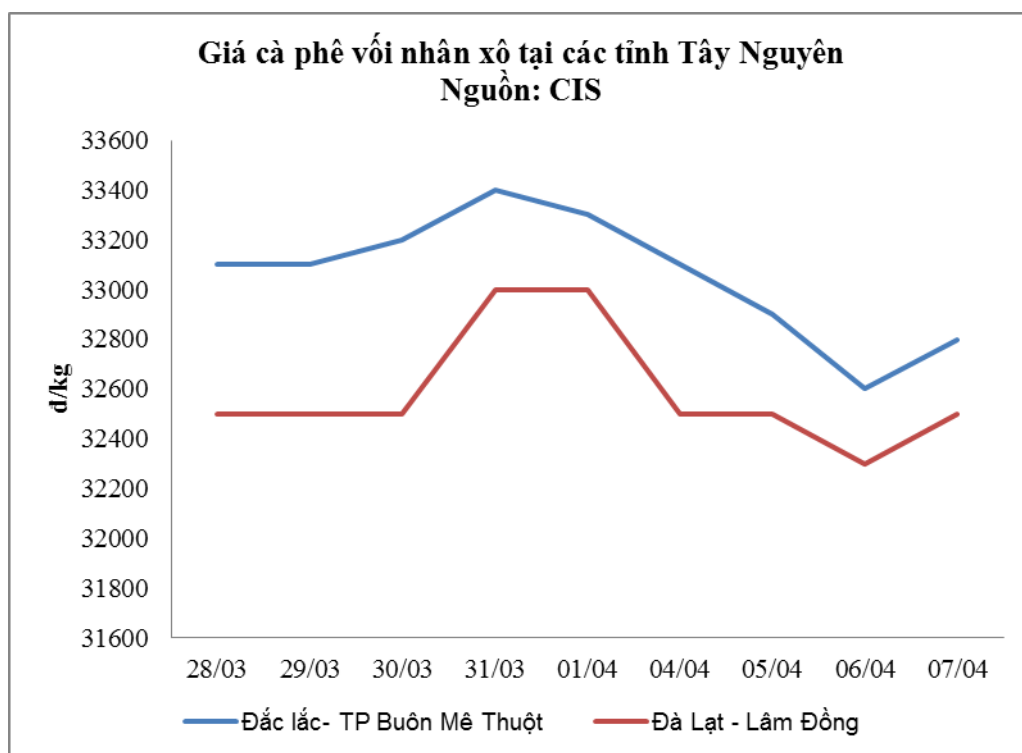
Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 2/2016 đạt 9,21 triệu bao, tăng 160.000 bao, hay 1,7%, so với cùng kỳ năm ngoái. Con số này đưa xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 5 tháng đầu niên vụ 2015-2016 lên 45,205 triệu bao, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong 12 tháng kết thúc vào tháng 2/2016, xuất khẩu cà phê Arabia đạt 70,98 triệu bao so với 68,59 triệu bao cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu cà phê Robusta đạt 41,86 triệu bao so với 45,80 triệu bao cùng kỳ năm trước. ICO ước tính sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2015-2016 đạt 143,4 triệu bao, tăng 1,4% so với niên vụ 2014-2015.

CÀ PHÊ



Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 500 đ/kg xuống mức 32.500 – 32.800 đ/kg. Các thương nhân cho biết, Việt Nam có thể xuất khẩu được 140.000 – 150.000 tấn cà phê trong tháng 4/2016 (tương đương 2,33-2,50 triệu bao loại 60kg).

Người trồng cà phê ở Việt Nam – nước sản xuất Robusta lớn nhất thế giới đang tưới nước cho cây trồng vào vụ 2016/17, trong khi nguồn cung cấp nước lại bị thắt chặt ở một vài nơi của vành đai cà phê Tây Nguyên do tình trạng khô hạn bởi El Nino gây ra. Theo Hiệp hội Cà phê, Ca cao Việt Nam (VICOFCA), thiếu nước đe dọa đến 167.000 hecta cà phê, tương đương 29% tổng diện tích của khu vực, trong đó có 40.000 hecta bị phá hủy. Dự báo mùa mưa năm nay có thể sẽ đến muộn hơn và ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng cà phê vụ tới. Tin tức này đã khuyến khích nông dân và thương nhân nội địa tiếp tục kháng giá và găm hàng chờ giá lên.





Thị trường thế giới: Giá chè Best Broke Pekoe Ones (BP1s) TEABP1-BEST-KE hạng nhất Kenya tăng trở lại trong phiên đấu giá tuần này ở Mombasa sau khi giảm liên tiếp trong vài phiên trước đó, đạt mức 2,15-3,60 USD/kg so với 2,24-2,90 USD/kg của phiên đấu giá trước. Tương tự, giá chè Best Brighter Pekoe Fanning Ones (PF1s) TEAPF1-BEST-KE tuần này đạt mức 2,36 - 3,92 USD/kg, tăng so với 2,40 - 3,04 USD/kg tuần trước.

Tại Ấn Độ, giá trung bình tăng lên 92,39 Rs/kg so với 91,30 Rs/kg của tuần trước trong bối cảnh nguồn cung thấp hơn ở phiên đấu giá thứ 13 của Hiệp hội Thương mại Chè Coonor. Homedale Estate's Broken Pekoe đứng đầu phiên đấu giá chè lá và toàn bộ thị trường CTC ở mức 201 Rs/kg. Vigneshwar Speciality's Broken Orange Pekoe Fanning đóng cửa ở mức 200 Rs/kg. Darmona Estate's Super Red Dust đứng đầu phiên đấu giá chè bụi với giá 193 Rs/kg.

Nếu khối lượng chè tại các trung tâm bán đấu giá là một sự biểu thị thì loại đồ uống này sẽ có mặt nhiều hơn trên thị trường trong năm 2016. Những cơn mưa trong tháng Ba đã cải thiện sản lượng chè ở Assam và Dooars. Trong tháng Hai, một đợt khô hạn đã khiến người trồng chè lo lắng, nhưng những trận mưa gần đây như là sự cứu trợ đối với họ. Trung tâm đấu giá Kolkata đã giảm 3 phiên đấu giá trong tháng Ba do không có hàng. Trong thực tế, trong tháng, sản lượng chè giảm 16,26% so với một năm trước xuống 17,87 triệu kg. Nhìn chung, sản lượng chè của Ấn Độ giảm nhẹ xuống 1127,7 triệu kg trong FY16 từ tháng 4/2015 đến tháng 1/2016. Trong 10 tháng đầu tiên của FY15, sản lượng chè đứng ở mức 1.137,2 triệu kg. Sản lượng thấp chủ yếu là do điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Các nhà sản xuất chè Ấn Độ đã yêu cầu Iran định giá lại các loại trà nhập khẩu vào nước này và cho rằng hệ thống hiện tại gây ảnh hưởng đến ngành chè Ấn Độ vì nó không phân biệt giữa chè cao cấp và các loại chè khác.

Iran quy định mức giá cố định là 5 USD trên mỗi kg cho tất cả các loại các loại trà nhập khẩu từ Ấn Độ, và dựa trên mức giá đó người mua Iran phải trả thuế hải quan. Điều này đặt các loại trà Ấn Độ ở một vị trí bất lợi do người mua Iran thích mua trà Sri Lanka bởi vì tại nhiều thời điểm họ bị buộc phải mua chè Ấn Độ chất lượng thấp hơn ở mức giá cao hơn. Một quan chức Bộ Thương mại cho biết chè miền Bắc Ấn Độ thường có chất lượng cao, trong khi các loại chè ở miền Nam Ấn Độ có chất lượng thấp hơn. Nhưng việc định giá cho cả hai loại đều là 5 USD cho mỗi kg. Lý tưởng nhất, với chè chất lượng tốt, việc định giá nên vào khoảng 4,5 USD/kg, trong khi đối với chè chất lượng thấp hơn nên vào khoảng 3 –3,5 USD/kg.

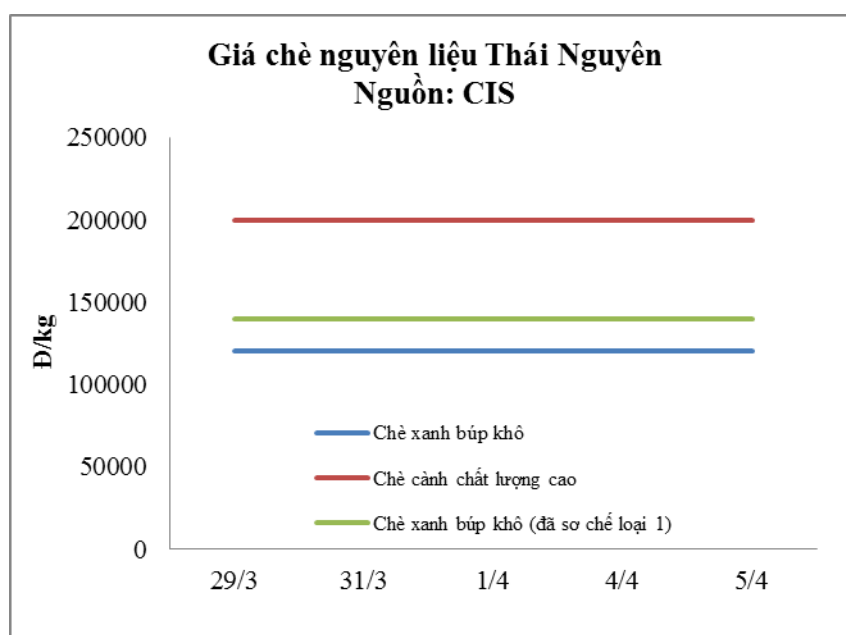
Các nhà xuất khẩu chè của Ấn Độ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ Sri Lanka ở Iran và việc giảm các thuế hải quan có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc khiến chè Ấn Độ có lợi thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh.

CHÈ

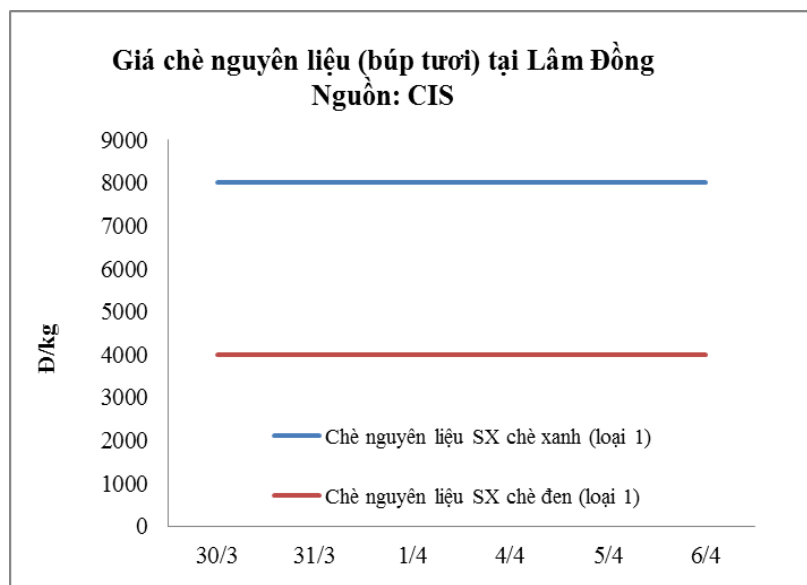


Iran áp 20% thuế nhập khẩu đối với chè bên cạnh thuế giá trị gia tăng 9%. Sri Lanka là nước sản xuất chè orthodox lớn và xuất khẩu khoảng 306 triệu kg chè một năm trong tổng sản lượng hàng năm là 545 triệu kg. Iran rất quan trọng đối với thương mại chè Ấn Độ vì nó là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho các loại chè orthodox của Ấn Độ.

Thị trường trong nước: Tại Thái Nguyên, giá chè nguyên liệu tuần này giữ ổn định so với tuần trước. Cụ thể, chè xanh búp khô ở mức 120.000 đ/kg, chè cành chất lượng cao 200.000 đ/kg và chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 140.000 đ/kg.



Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu sản xuất trà xanh loại 1 vẫn duy trì ổn định ở mức 8.000 đ/kg, chè nguyên liệu sản xuất trà đen loại 1 giữ mức 4.000 đ/kg.



CHÈ



Các sản phẩm chè của Việt Nam được xuất khẩu đi hơn 100 nước trên thế giới, với nhiều chủng loại chè phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, giá trị của ngành chè nước ta còn thấp, mới chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 230 triệu USD/năm - một con số rất khiêm tốn so với các ngành nông sản khác như cà phê, hồ tiêu...

Thời gian tới, để đảm bảo sản xuất bền vững và tận dụng được cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mang lại, Hiệp hội Chè Việt Nam đang tổ chức các mô hình bảo vệ thực vật tập trung; kiểm soát thời gian cách ly, đảm bảo an toàn cho nguyên liệu đầu vào. Hiệp hội cũng định hướng tổ chức một sàn giao dịch để các đơn vị giới thiệu và bán sản phẩm tạo tiền đề cho sự ra đời trung tâm đầu giá chè sau này. Trước mắt, các đơn vị sản xuất cần hạn chế xuất khẩu chè qua trung gian.

Ngành chè khuyến cáo các doanh nghiệp cần hướng tới liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chè, quan tâm đặc biệt tới quy trình sản xuất chè an toàn, có chứng nhận được thị trường thế giới công nhận. Người trồng chè cần tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong việc trồng, chăm sóc cũng như sơ chế chè. Có như vậy, ngành chè mới có thể cạnh tranh được với các thương hiệu chè trên thế giới.

N.V.A

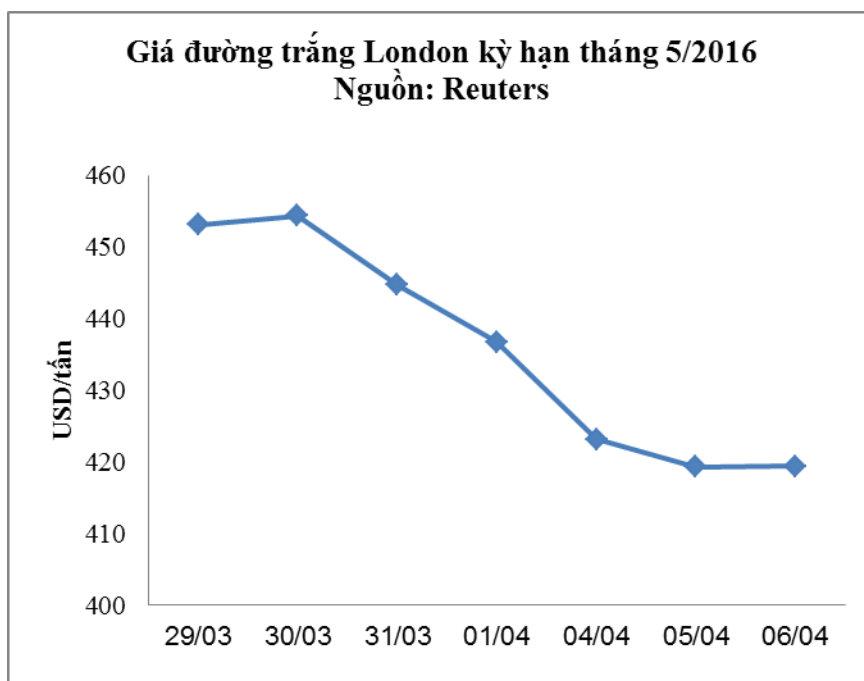
MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn giao tháng 5/2016 giảm 17,4 USD/tấn xuống mức 419,4 USD/tấn. Giá đường giảm trước các suy đoán tập đoàn dầu khí quốc gia Brazil Petrobras sẽ giảm giá xăng, một động thái có thể làm suy yếu nhu cầu nhiên liệu sinh học (ethanol) qua đó sẽ làm tăng nguồn cung mía để sản xuất đường thay vì ethanol.

Ban giám đốc của Petrobras đang lên phương án giảm giá xăng để kích thích nhu cầu tiêu thụ trong nước và hạn chế tình trạng nhập khẩu xăng đang tăng mạnh. Nếu giá xăng giảm, nhu cầu ethanol ở Brazil, nước sản xuất đường lớn nhất thế giới, có thể sẽ suy giảm, từ đó khuyến khích các nhà máy địa phương sử dụng mía để sản xuất đường. Tại Brazil, xăng và ethanol cạnh tranh trực tiếp với nhau vì đa số xe ô tô ở đây đều có thể chạy bằng cả hai loại nhiên liệu này.

Theo ngân hàng Rabobank, thị trường mía đường toàn cầu năm nay sẽ bị thiếu khoảng 6,8 triệu tấn đường. Hiện tượng El Nino khiến các nông trại trồng mía của Brazil chịu thiệt hại và các chuyên gia dự đoán sản lượng mía đường trong thời gian tới của nước này sẽ giảm mạnh. Hơn nữa, những nước như Thái Lan, Ấn Độ nằm trong top 5 quốc gia xuất khẩu mía đường hàng đầu thế giới cũng chịu ảnh hưởng của hạn hán nên nguồn cung mía đường cũng giảm theo.



Thị trường trong nước: Tuần qua, thị trường đường trong nước giữ mức ổn định. Tại Hà Nội, giá bán buôn đường kính trắng từ 13.850 - 14.300 đ/kg, đường vàng 13.700 - 14.000 đ/kg, đường tinh luyện 15.000 - 16.500 đ/kg; ở miền Trung, đường kính trắng 13.800 - 14.000 đ/kg; ở TP.HCM, đường kính trắng 14.200 - 14.600 đ/kg, đường vàng 14.200 đ/kg, đường tinh luyện 16.000 - 16.700 đ/kg. Đường bán buôn tại các nhà máy thấp hơn giá trên thị trường khoảng 400 - 500 đ/kg.

MÍA ĐƯỜNG



Bắt đầu từ tháng 4, tại tỉnh Gia Lai, Nhà máy đường An Khê sẽ thực hiện bảo hiểm thu mua mía nguyên liệu còn lại của vụ ép 2015 - 2016. Cam kết của Nhà máy đường An Khê là giá thu mua nguyên liệu mía sẽ được bảo hiểm đến cuối vụ ép 2015 – 2016, thấp nhất ở mức 1,2 triệu đ/tấn, tùy theo chất lượng mía. Như vậy, so với đầu vụ, giá mía thu mua đã tăng hơn 200.000 đ/tấn.

Giá bảo hiểm trên được áp dụng với mía nguyên liệu còn lại trên đồng thuộc vùng Đông Gia Lai như: An Khê, Kbang, Đăk Pơ và Kông Chro. Được biết, đến thời điểm này, nông dân tại đây đã thu hoạch 85% sản lượng, trong tổng số diện tích gần 26.000 ha mía. Đây cũng là vùng nguyên liệu mía đứng đầu cả nước về diện tích, năng suất, sản lượng.

HNN

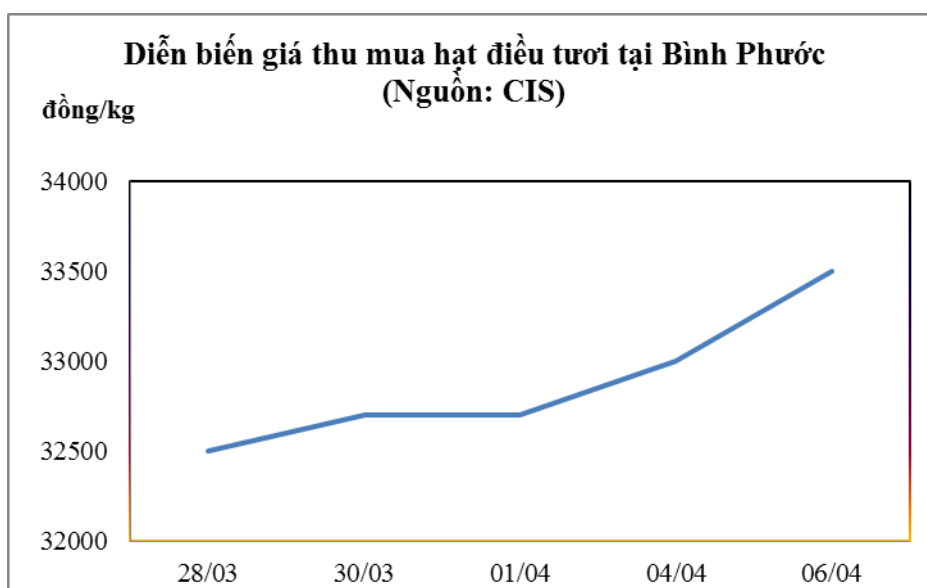
HẠT ĐIỀU



Thị trường thế giới: Bờ Biển Ngà đã kết thúc vụ thu hoạch điều thứ nhất và đang chuẩn bị cho đợt thu hoạch thứ hai kéo dài rộ vụ vào khoảng 15/4/2016 tại Bờ Biển Ngà. Dự báo đợt tiếp theo sẽ khá hơn vì thời tiết tại Bờ Biển Ngà những ngày gần đây mưa nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và dưỡng trái điều.

Giao dịch mua bán điều vẫn diễn ra tấp nập tại Bờ Biển Ngà nhưng giá không có khả năng tăng như phiên giao dịch trước đó. Giá điều khô chất lượng 48 lbs/ 195 - 200 hạt mua tại cảng Abidjan chỉ còn trên dưới 645 CFA (tương đương 1,12 USD)/ kg tùy chất lượng và phương thức thanh toán. Tỷ giá USD/CFA liên tục biến động trong hơn 1 tháng qua, hiện 1 USD đổi được 575 CFA. Việc đồng CFA mạnh lên so với USD cũng gây khó khăn chút ít cho doanh nghiệp xuất khẩu điều thô của Bờ Biển Ngà.

Các nhà xuất khẩu Ấn Độ hiện đang mua điều nhân loại W240 với mức giá 7000 Rs + VAT / trừ đóng gói / 11,340 kg và loại W320 với mức giá khoảng 6350 Rs + VAT / trừ đóng gói / 11,340 kg. Lượng tiêu thụ điều mảnh tại nước này cũng đang tăng lên bởi đang là thời điểm mùa cưới và vụ làm kem. Thị trường có thể chứng kiến tình trạng thiếu điều mảnh vào nửa cuối tháng tư.



Lịch Ấn Độ kiêng tổ chức các việc tốt lành vào tháng năm và tháng sáu, nhưng một số cuộc bầu cử quan trọng theo bang và tình hình tiêu thụ trong tháng Ramadan ngày càng tăng có thể sẽ hỗ trợ cho thị trường điều mảnh trong nước trong thời gian này.

Thị trường trong nước: Tiếp đà tăng giá của tuần trước, giá thu mua hạt điều tươi tại Bình Phước tuần này đã tăng thêm khoảng 800 - 1.000 đ/kg, hiện đạt 33.500 đ/kg nhờ nhu cầu thu mua phục vụ chế biến tăng.

Tuần trước, giá điều nhân loại WW240 xuất khẩu sang thị trường Canada tăng nhẹ lên mức 8,27 USD/kg (tăng 0,02 USD/kg). Giá hạt điều nhân xuất khẩu sang một số quốc gia như Trung Quốc, Thụy Sĩ vẫn đang duy trì mức giá của tuần trước.



Tham khảo giá xuất khẩu hạt điều tuần từ 28/3 – 3/4/2016

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều W320 (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang)	Tấn	16.33	7782	Úc
Hạt điều nhân đã bóc vỏ WW240	KG	15876	8,27	Canada
Nhân hạt điều sấy khô WW240 Việt Nam	KG	6123.6	8,30	Trung Quốc
Nhân hạt điều WW320 (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang)	Tấn	15.88	7758,19	Đức
Hạt điều nhân WW320 VN	KG	15876	7,76	Hy Lạp
Hạt điều nhân VN	LBS	35000	3,27	Ấn Độ
Nhân hạt điều SSP	KG	17010	5,51	Italy
Hạt điều nhân WW450 VN	KG	3991.68	7,80	Hàn Quốc
A12 Hạt điều nhân (đã bóc vỏ, chưa rang) loại LP	KG	8164.8	6,45	Lebanon
Nhân hạt điều WW240	KG	4536	8,05	Hà Lan
Nhân hạt điều WW320	KG	15876	7,72	Na Uy
Nhân hạt điều WW240VN	KG	15876	8,20	Ba Lan
Hạt điều W320	KG	5000	7,77	Nga
Nhân hạt điều đã qua chế biến (đã bóc vỏ) WW320 VN	KG	15876	7,80	Singapore
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến W320	KG	15876	7,61	Thụy Sĩ
Hạt điều W320 (không có vỏ lụa)	KG	7450	7,72	Thái Lan
Nhân hạt điều WW450	Tấn	15.88	7361,46	Anh
Nhân hạt điều WW240 (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang)	KG	15876	8,22	Hoa Kỳ

(Theo Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại)

T.T.P.

HẠT TIÊU



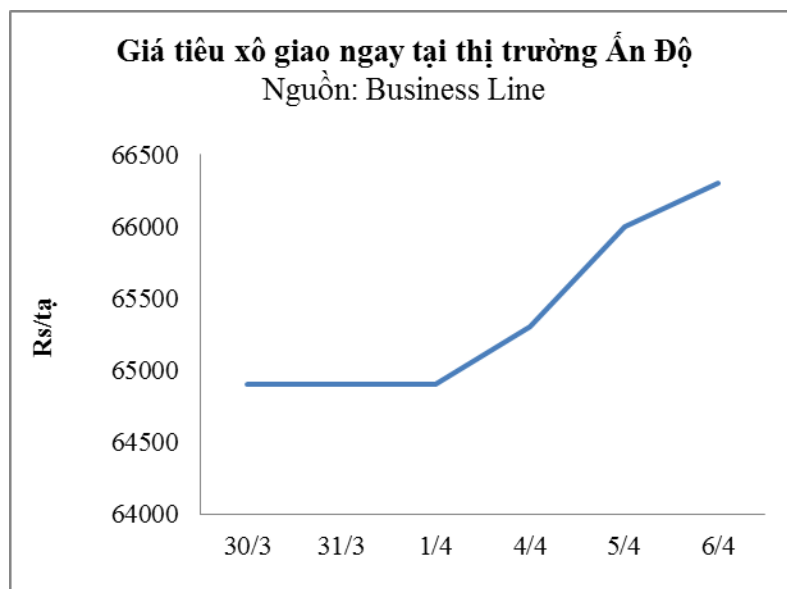
Thị trường thế giới: Tuần trước (25/3-31/3), giá hạt tiêu tại hầu hết các thị trường vẫn ổn định ở mức cao. Thậm chí ở Ấn Độ, giá tăng bình quân 3%. Giá tại địa phương của tiêu đen Malabar ở Kochi tăng từ 639 rupi/kg tuần trước đó lên 649 rupi/kg. Giá tại các khu vực khác vẫn ổn định. Tuy nhiên, theo đồng đô la, giá nội địa tại Sarawak tăng do đồng ringgit Malaysia mạnh; trong khi ở Indonesia giá nội địa giảm nhẹ do sự suy yếu của đồng rupi Indonesia so với đô la Mỹ. Giá FOB hạt tiêu vẫn ổn định, ngoại trừ ở Ấn Độ.

Trong tuần (1/4-7/4), tại Ấn Độ, giá tiêu giao ngay lần kỳ hạn tăng liên tiếp trong bối cảnh nguồn cung tiếp tục thắt chặt. Các đại lý liên bang và người tiêu dùng đã xuất hiện trên thị trường để đẩy mạnh mua vào, trong khi nông dân và các đại lý liên bang giữ hàng chờ giá lên cao nữa. Hôm 06/4, chỉ có 3 tấn tiêu được giao dịch ở mức 665 Rs/kg, 40 tấn tiêu sau khi xử lý được phép đưa ra thị trường và giao dịch với giá 665 Rs/kg. Người mua sẵn sàng mua tiêu vùng cao ở mức 680 Rs/kg và tiêu Rajkumari ở mức 685 Rs/kg. Họ cũng sẵn sàng trả 675 Rs/kg cho tiêu Pulpally và Bathery.

Giá tiêu tại thị trường nội địa Ấn Độ tăng liên tục do người trồng không muốn bán với hy vọng giá còn tăng cao vì khô hạn đang diễn ra trên khắp các vùng trồng tiêu chính. Giá tiêu tăng liên tục còn nhờ tỷ giá đồng Rupit đang tăng mạnh trong những ngày gần đây, điều này sẽ mở đường cho việc nhập khẩu hạt tiêu Việt Nam qua cửa ngõ Sri Lanka.

Giới thương nhân cũng cho rằng khoảng cách rộng giữa giá tiêu Ấn Độ với giá tiêu các nguồn gốc xuất xứ khác đã trở thành một yếu tố thúc đẩy nhập khẩu hạt tiêu.

Giá giao ngay tăng vọt lên 66.300 Rs/tạ (9.958 USD/tấn) cho loại tiêu xô và 69.300 Rs/tạ (10.408 USD/tấn) cho tiêu đã sơ chế, tăng 1.400 Rs so với hôm 31/3. Trên sàn IPSTA, tất cả các hợp đồng giao tháng 4, 5 và 6 đều tăng trần lên lần lượt 69.000 Rs/tạ (10.363 USD/tấn), 68.000 Rs/tạ (10.213 USD/tấn) và 67.000 Rs/tạ (10.063 USD/tấn). Giá tiêu đặc chủng MG1 xuất khẩu tăng hơn nữa lên 10.800 USD/tấn (c&f) hàng giao châu Âu và 11.050 USD/tấn hàng đi Mỹ, tăng 400 USD/tấn so với cuối tuần trước.



HẠT TIÊU



Thị trường trong nước: Giá thu mua hạt tiêu đen xô nội địa tuần này biến động giảm nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, ngày 7/4/2016, giá tiêu xô tại Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Đồng Nai lần lượt ở mức 146.000 đ/kg, 150.000 đ/kg, 146.000 đ/kg, 147.000 đ/kg, giảm khoảng 2.000đ/kg so với cuối tuần trước.

Hiện nay tình hình khô hạn các vùng trồng tiêu tại Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước ngày một nghiêm trọng. Các giống tiêu mới Vĩnh Linh, Lộc Ninh bị thiệt hại trầm trọng do sức chịu hạn kém mặc dù sản lượng cao. Tuy nhiên hạt tiêu giống cũ mà người ta gọi là tiêu “trâu” có sức chịu hạn cao hơn nhưng không được nông dân ưa chuộng. Năm nay các vườn tiêu giống mới đang chết vì khô hạn làm nông dân mất vốn và nợ nần do đầu tư quá nhiều chi phí.

Thông thường hàng năm vào cuối tháng 3 thời tiết có mưa trải trên diện rộng nhưng năm nay chỉ có tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông có mưa rào. Riêng Gia Lai và Bình Phước từ cuối mùa mưa đến nay chưa một lần có mưa, vì vậy khô hạn ảnh hưởng trầm trọng đến cà phê, tiêu và các loại nông sản.

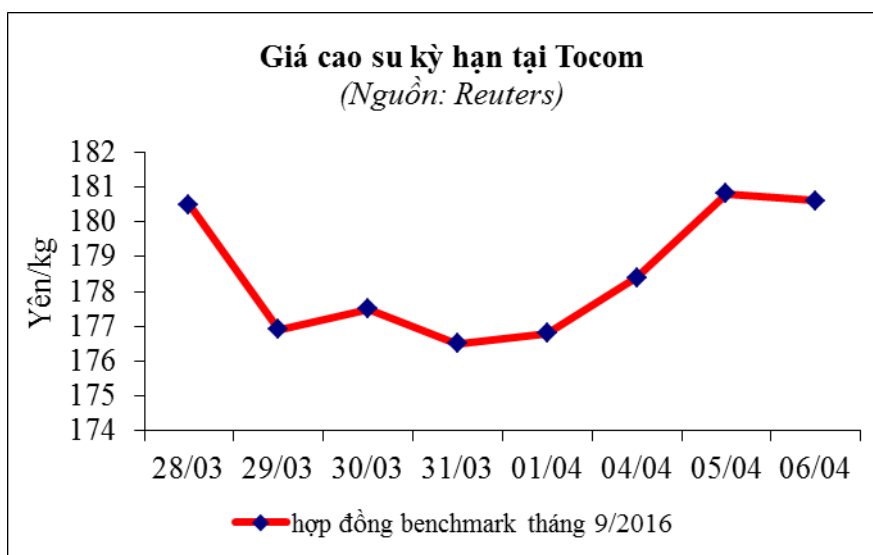
N.V.A

CAO SU



Thị trường thế giới: Xu thế tăng chiếm ưu thế trên thị trường cao su kỳ hạn Tocom (Nhật Bản) tuần qua nhờ sự hồi phục của giá dầu và tác động kéo dài của El Nino có thể ảnh hưởng đến sản lượng cao su tại các quốc gia Đông Nam Á. Cuối phiên giao dịch 5/4, hợp đồng benchmark giao tháng 9/2016 đạt mức cao nhất trong 1 tháng là 180,8 Yên/kg, sau khi tăng trong 3 phiên liên tục, với tổng cộng mức tăng là 4,3 Yên kể từ phiên giao dịch 31/3. Giá cao su trước đó đạt mức cao nhất kể từ ngày 7/3, ở mức 183,4 yên/kg.

Thị trường ô tô Trung Quốc trong tháng 3/2016 hồi phục sau Tết nguyên đán chậm chạp, với doanh số bán hàng tháng của Toyota Motor Corp tăng mạnh mẽ và một cuộc điều tra đại lý cho thấy nhu cầu tăng cao.



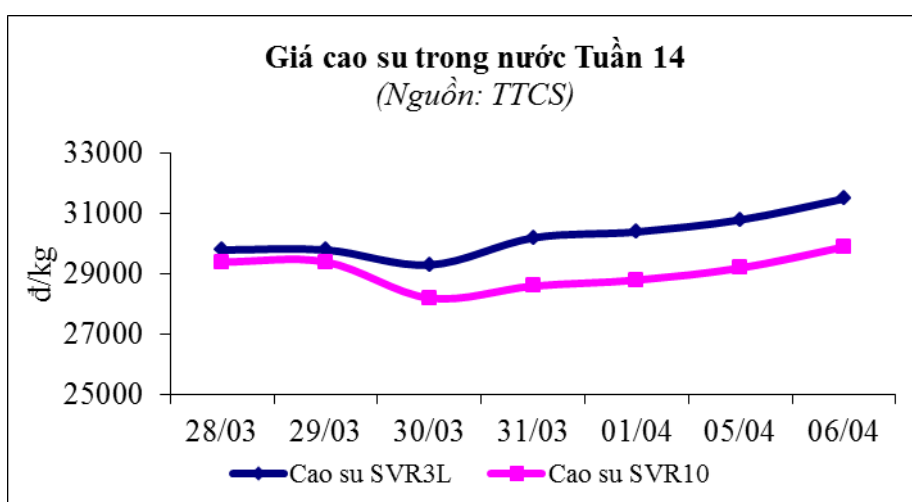
Thị trường trong nước: Giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tuần qua diễn biến tăng khá cùng với xu hướng của thị trường cao su thế giới. Cụ thể, cao su SVR3L tăng từ 29.300 đ/kg (30/3) lên 31.500 đ/kg (6/4); cao su SVR10 tăng từ 28.200 đ/kg lên 29.900 đ/kg.

Thị trường xuất nhập khẩu mặt hàng cao su thiên nhiên tại các cửa khẩu phía Bắc đang hoạt động cầm chừng, phần lớn các công ty, đơn vị chuyên kinh doanh xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Trung Quốc đã chuyển hướng thị trường. Số đơn vị còn lại đang tham gia giao dịch chủ yếu là lực lượng cao su tiểu điền của tư thương, tuy nhiên giao dịch xuất khẩu với số lượng nhỏ. Hiện các lực lượng tiểu điền đang giao dịch hệ tiểu ngạch, chủ yếu qua cửa khẩu Cao Bằng và Lào Cai. Tuần qua, tại hai cửa khẩu này, khối lượng xuất khẩu đạt 750 tấn cao su hỗn hợp loại II, giá giao dịch trong tuần giao động từ 7.400 – 7.600 NDT/tấn. Trong khi đó, các công ty, đơn vị quốc doanh đang chuyển hướng thị trường tới khu vực Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan), khu vực Tây Á và Trung Đông. Thị trường truyền thống châu Âu sẽ được phát huy hơn nữa. Việc chuyển hướng thị trường sẽ giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.



Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 2/2016 giảm mạnh 75,2% so với tháng trước và giảm 44,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1,88 nghìn tấn. Tính đến hết tháng 2/2016, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này đã giảm 12% về lượng và 31,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 9,9 nghìn tấn, trị giá 11,63 triệu USD. Mặc dù giảm trong 2 tháng đầu năm 2016, nhưng Ấn Độ vẫn vượt qua Ma-lai-xia đứng thứ 2 về tiêu thụ cao su của Việt Nam khi chiếm thị phần 7,78% xuất khẩu cao su của Việt Nam.

Về chủng loại, Ấn Độ chủ yếu nhập khẩu cao su SVR 3L của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2016. Cụ thể, xuất khẩu cao su SVR 3L sang thị trường Ấn Độ đạt 7,02 nghìn tấn, trị giá 8,21 triệu USD, giảm nhẹ 1,3% về lượng và 25,4% về trị giá so với 2 tháng đầu năm 2015. Đáng chú ý, lượng cao su SVR 3L chiếm tới hơn 70% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này. Tính riêng trong tháng 2/2016, lượng cao su SVR 3L xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ đạt 1,04 nghìn tấn, giảm 82,5% so với tháng trước và 53,7% so với cùng kỳ năm ngoái.



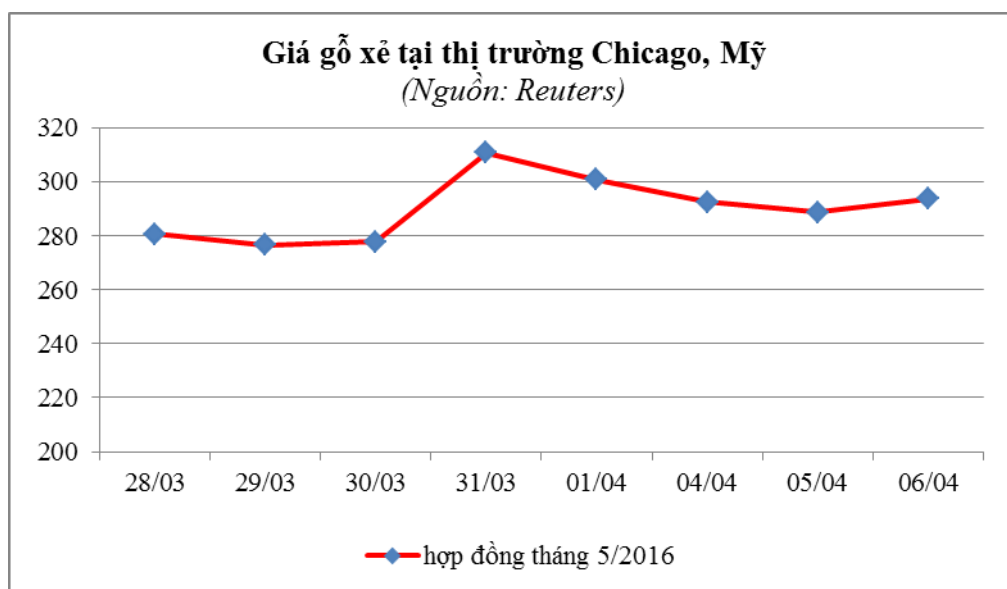
Hai tháng đầu năm nay, lượng cao su RSS3, SVR10 và Latex cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, với mức giảm tương ứng là 21,4%, 49,7% và 96%.

Về giá xuất khẩu: Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong 2 tháng đầu năm 2016 giảm tới 22,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt bình quân 1.173 USD/tấn. Trong tháng 2/2016, giá xuất khẩu cao su sang thị trường này tiếp tục giảm nhẹ 1,1% so với tháng 1/2016, đạt bình quân 1.162 USD/tấn. Trong đó, giá xuất khẩu cao su SVR 3L giảm 1,5%, đạt bình quân 1.154 USD/tấn; RSS3 và SVR 10 cũng giảm 0,7%, 7,6%. So với cùng kỳ năm ngoái giá xuất khẩu của những mặt hàng này cũng giảm mạnh từ 20 – 25%.

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: So với tuần trước, thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tuần qua diễn biến tăng nhẹ. Kết thúc phiên giao dịch 6/4, hợp đồng kỳ hạn tháng 5/2016 đạt 293,8 USD/tbf, tăng 16,1 USD so với giá đóng cửa phiên 30/3.



Năm 2015, xuất khẩu gỗ của Liên minh châu Âu (EU) đạt giá trị cao nhất với trên 20 tỷ Euro. Thặng dư thương mại trong các sản phẩm gỗ của EU đạt 3 tỷ Euro, tăng mạnh so với mức thâm hụt 3 tỷ Euro trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm gỗ của EU tập trung chủ yếu vào gỗ xẻ, ván ghép (đặc biệt là ván sàn và các sản phẩm glulam) và đồ gỗ nội thất.

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của EU tới các nước trong khu vực châu Âu (chủ yếu là Thụy Sĩ và Na Uy) chiếm tới 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của EU, tuy nhiên kể từ khi khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra đã có sự thay đổi đáng kể, EU đã tăng mạnh xuất khẩu sản phẩm gỗ sang châu Phi, Trung Đông, Trung Quốc và các thị trường truyền thống ở Bắc Mỹ và Cộng đồng các quốc gia độc lập CIS.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu trong nội khối EU, sự gia tăng mạnh về thặng dư thương mại gỗ của EU là do sự suy yếu của đồng Euro và cạnh tranh gay gắt từ khai thác gỗ và các sản phẩm gỗ tại thị trường nội khối. Hoạt động khai thác gỗ đa dạng tại hầu hết các lĩnh vực gỗ tại EU cũng là động lực thúc đẩy tăng xuất khẩu sản phẩm gỗ từ thị trường này.

Do các thị trường truyền thống phát triển chậm chạp, các nhà sản xuất gỗ EU đang đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới để mở rộng phạm vi thị trường xuất khẩu đồ gỗ để có thể thay thế các nguyên vật liệu chính trên thị trường xây dựng như thép và bê tông.

GỠ VÀ SẢN PHẨM GỠ



Thị trường trong nước: Theo số liệu thông kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần từ 22/3 – 29/3/2016 đạt 136,1 triệu USD, giảm 8,7% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ nội thất đạt 100 triệu USD, tăng 3,6% so với tuần trước. Các thị trường có kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt cao trong tuần như: Mỹ đạt kim ngạch 42,3 triệu USD, Nhật Bản đạt 17,4 triệu USD, Đài Loan đạt 11,9 triệu USD, Trung Quốc đạt 9,6 triệu USD,...

Về nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu về Việt Nam trong tuần qua đạt 38,45 triệu USD, tăng 5% so với tuần trước. Trong đó, Mỹ đứng đầu về cung cấp nguyên liệu gỗ cho Việt Nam trong tuần qua, với kim ngạch đạt 6,23 triệu USD, tăng mạnh 45,2% so với tuần trước và chiếm 16,2% tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ. Ngoài ra, kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ thị trường Hồng Kông, Trung Quốc và Cam-pu-chia cũng tăng lần lượt là 11%, 3%, 28,7% so với tuần trước. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Lào, Đài Loan, Áo lại giảm.

Thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam tuần từ 22 – 29/3/2016:

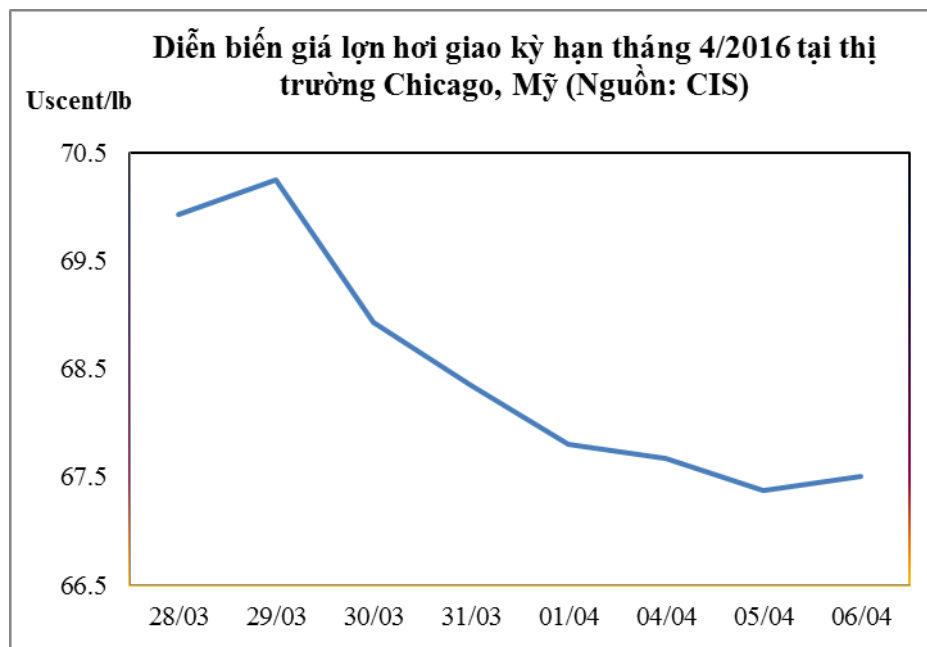
Thị trường	Kim ngạch (triệu USD)	Tăng giảm so với tuần trước (%)
Mỹ	6.234.126	45,2
Hồng Kông	4.642.522	11
Trung Quốc	3.700.214	3
Cam-pu-chia	2.800.863	28,7
Lào	2.786.482	-10,1
Sing-ga-po	1.997.429	
Đài Loan	1.695.128	-28,8
Áo	1.571.196	-1,4
Niu Di-lân	1.128.482	50

THỊT



Thị trường thế giới: Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 4/2016 đang giảm mạnh so với tuần trước. Chốt phiên giao dịch ngày 6/4, giá lợn hơi đạt 67,5 Uscent/lb, giảm 2,75 Uscent/lb so với mức giá cao nhất của tuần trước (29/3) và giảm 0,175 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch hồi đầu tuần (4/4). Giá giảm là do nguồn cung gia súc dồi dào hơn so với tuần trước.

Tuy nhiên, nguồn hàng dự trữ của các nhà đóng gói hiện đang thiếu hụt bởi cuối tuần trước không mua đủ hàng nên có thể họ sẽ buộc phải trả bằng giá hoặc cao hơn để mua gia súc. Các nhà đầu tư đã tích cực mua các hợp đồng trả sau và đồng thời bán hợp đồng kỳ hạn tháng 4/2016 trước khi đáo hạn vào ngày 14/4.



Thị trường trong nước: Từ Tết nguyên đán đến nay, giá lợn hơi luôn có xu hướng tăng lên, và tăng đột biến trong khoảng 2 tuần trở lại đây. Đến thời điểm này, giá lợn hơi đã ở mức 49.000 đ/kg, tăng 10 giá so với ngày 8 Tết Bính Thân (15/2) là thời điểm thương nhân Trung Quốc quay lại Đồng Nai mua lợn hơi.

Tham khảo giá thu mua lợn hơi tại trại ở các tỉnh phía Nam (ĐVT: đồng/kg)

Ngày	Đông Nam Bộ	ĐBSCL
29/3	47500-48000	47000
5/4	49000	48000

(Nguồn: channuoivietnam.com)



Ở Thống Nhất (Đồng Nai), thương lái thu gom lợn hơi để đưa lên biên giới phía Bắc đang hoạt động rất nhộn nhịp. Ước tính mỗi ngày ở huyện này có khoảng 10 - 20 xe (mỗi xe 150 - 170 con) chở lợn đi Trung Quốc.

Giá lợn hơi ở Đồng Nai được dự báo sẽ còn tăng lên trong thời gian tới, khi Trung Quốc vẫn đang có nhu cầu cao thu mua lợn hơi. Một số khách hàng Hồng Kông cũng đã tới Đồng Nai tìm hiểu, đặt vấn đề nhập khẩu thịt lợn Việt Nam. Tuy chưa có hợp đồng cụ thể, nhưng đây cũng có thể là một trong những tín hiệu giúp cho giá lợn hơi tăng thêm nữa

Nếu như ở thời điểm sau Tết, thương nhân chủ yếu mua lợn hơi có trọng lượng 120kg, 140kg, thậm chí 160kg để đưa đi Trung Quốc (người Trung Quốc thích ăn heo cỡ lớn vì nhiều mỡ), thì bây giờ, loại lợn hơi như vậy gần như không còn do người chăn nuôi ở Đồng Nai thấy giá đang tốt nên bán sớm khi lợn chưa đạt tới những kích cỡ đó.

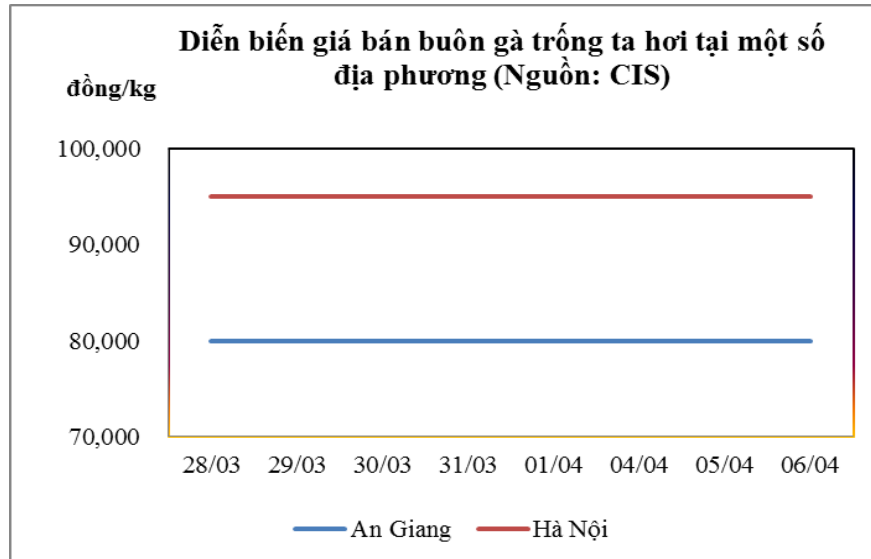
Do giá lợn hơi đi Trung Quốc tăng mạnh kéo theo giá lợn hơi bán về thị trường TP.HCM và các tỉnh khác cũng tăng lên cao. Ngày 5/4, giá lợn hơi ở Đồng Nai xuất đi TP.HCM đã ở mức khoảng 49.500 đ/kg.

Nguyên nhân Trung Quốc đẩy mạnh mua lợn hơi từ Việt Nam là do giá lợn hơi ở nước này đang tăng cao. Theo thông tin từ Tạp chí Heo Thế giới, trong tháng 3/2016, giá heo hơi ở Trung Quốc đã ở mức khoảng 65.000 đ/kg, cao hơn 20.000 đ/kg so với cùng kỳ 2015 (trên 40.000 đ/kg). Trong khi đó, giá lợn hơi mua ở Đồng Nai, Việt Nam chuyển về tới biên giới Trung Quốc mới chỉ ở mức khoảng 57.000 đ/kg, vẫn còn thấp hơn nhiều so với giá lợn hơi ở Trung Quốc. Sự chênh lệch lớn về giá như trên là động lực quan trọng để thương nhân nước này đẩy mạnh thu mua lợn Việt Nam.

Dù Trung Quốc là nước sản xuất lợn lớn nhất thế giới nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu trong nước. Vì vậy, nhu cầu nhập khẩu lợn của nước này vẫn đang theo xu hướng tăng lên.

Tuần qua, giá gà ta tại nhiều địa phương nhìn chung tiếp tục giữ xu hướng ổn định của tuần trước. Theo đó, giá bán buôn gà trống ta hơi tại chợ Hà Vĩ, Hà Nội là 95.000 đ/kg; An Giang là 80.000 đ/kg. Tuy nhiên, giá gà lông màu ở Đông Nam Bộ lại đang có xu hướng tăng khoảng 1.000 đ/kg lên mức 33.000 đ/kg do nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng.

THỊT



Diễn biến giá thu mua gà lông màu tại trại ở các tỉnh phía Nam (ĐVT: đồng/kg)

Ngày	Đông Nam Bộ	ĐBSCL
29/3	31000-32000	33000-34000
5/4	33000	34000

(Nguồn: channuoivietnam.com)

T.T.P.

THỦY SẢN



Thị trường thế giới: Do mùa vụ khai thác sò điệp ở bờ biển phía đông nước Mỹ sắp diễn ra, tình trạng giá cao hiện tại với nguồn cung thắt chặt trong năm 2016 được dự đoán sẽ sớm dịu trở lại trong năm 2017. Eastern Fisheries, công ty sò điệp lớn nhất thế giới cho biết, nguồn cung sò điệp của Mỹ giảm dự kiến sẽ giữ giá cao trong ngắn hạn. Triển vọng chung của năm nay vẫn là xu hướng giảm nguồn cung, giá cao nhưng triển vọng tổng thể cho năm 2017 là một sự phục hồi đáng kể từ góc độ cung và giá có xu hướng giảm. Nguồn cung toàn cầu sẽ tiếp tục phải đối mặt với áp lực vào năm 2016, giá sẽ vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, triển vọng ngành còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như nhập khẩu, tiền tệ, nền kinh tế bởi sò điệp là một sản phẩm có giá trị cao. Hiện tại, nguồn cung sò điệp cỡ lớn (U10s và U5s) rất hạn chế, nhất là cỡ < U10s trên toàn cầu đã thực sự giảm trong vài năm gần đây, đó là lý do tại sao giá tăng đến chóng mặt.

Ngư trường khai thác cua tuyết tại vùng Primorye, miền Viễn Đông Nga, đã mở cửa với hạn ngạch khai thác cua tuyết là 4.678 tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Các ngư dân Nga chủ yếu cung cấp các sản phẩm tươi sống cho Trung Quốc và Hàn Quốc, trong khi các sản phẩm đông lạnh thì rất hạn chế. Sự chuyển đổi này là do giá cua sống cao, hiện đang được bán với giá 28 USD/kg. Mặt khác, các sản phẩm đông lạnh dạng nguyên liệu không được bán tại chợ đầu giá từ ngày 24/3. Các nhà đóng gói của Nga đang chào bán với mức giá 14 USD/kg, nhưng chưa ký kết hợp đồng mua bán với Nhật Bản. Ngày 10/4, ngư trường khai thác cua tuyết tại miền bắc Okhotsk sẽ bắt đầu với hạn ngạch 13.440 tấn, tăng 12%. Các nhà sản xuất chính của Nga đang lên kế hoạch sản xuất nhiều sản phẩm tươi sống hơn.

Nguồn cung cua tuyết đông lạnh cho thị trường Nhật Bản đang giảm. Sau khi một chương trình chống khai thác bất hợp pháp giữa Nga và Nhật Bản có hiệu lực, hầu hết cua của Nga được xuất sang thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc. Năm ngoái, 6.000 tấn đã được xuất khẩu sang 2 nước này dưới dạng tươi sống. Các ngư dân Nga đang muốn tăng nguồn cung lên 10.000 tấn trong năm nay. Tổng hạn ngạch cua tuyết tại vùng Viễn Đông của Nga đã tăng 5% đạt 20.422 tấn trong năm 2016. Tuy nhiên, sản lượng cua đông lạnh không tăng. Mặt khác, ngư trường khai thác cua tuyết tại miền đông Canada dự kiến sẽ bắt đầu sớm hơn thường lệ.

Giá bột cá của Peru đã ổn định trở lại mức trong tháng 1, trong khi các nhà sản xuất đang chờ đợi hạn ngạch đánh bắt cá trống đầu tiên cho năm 2016, dự kiến sẽ được biết trong tháng 5. Giá bột cá hiện đang ở trong khoảng 1.720-1.770 USD/tấn, FOB Peru, cho loại tốt nhất, ngang với mức giá trong tháng 1, sau khi sụt giảm xuống 1.600 USD/tấn trong tháng 2. Giá tăng trở lại do sự phục hồi trong nhu cầu của Trung Quốc cao hơn dự kiến từ tháng 6 - khi sản lượng tôm hồi phục ở các quốc gia châu Á. Trong khi đó, dự trữ bột cá của Peru đang cạn kiệt, với hàng tồn kho hiện nay dao động từ 15.000 – 30.000 tấn. Hiện tượng thời tiết El Nino vẫn còn hiện diện ở Peru, nhưng nó đã bắt đầu giai đoạn suy giảm. Tuy nhiên, rất khó để dự đoán điều kiện khai thác vào lúc bắt đầu mùa vụ đánh bắt đầu tiên của năm (dự kiến diễn ra từ tháng 5 – tháng 7), một nhà sản xuất bột cá cho biết. Dự trữ bột cá hiện nay có thể cạn kiệt một cách nhanh chóng do nhu cầu ngày càng tăng của Trung Quốc đối với bột cá.

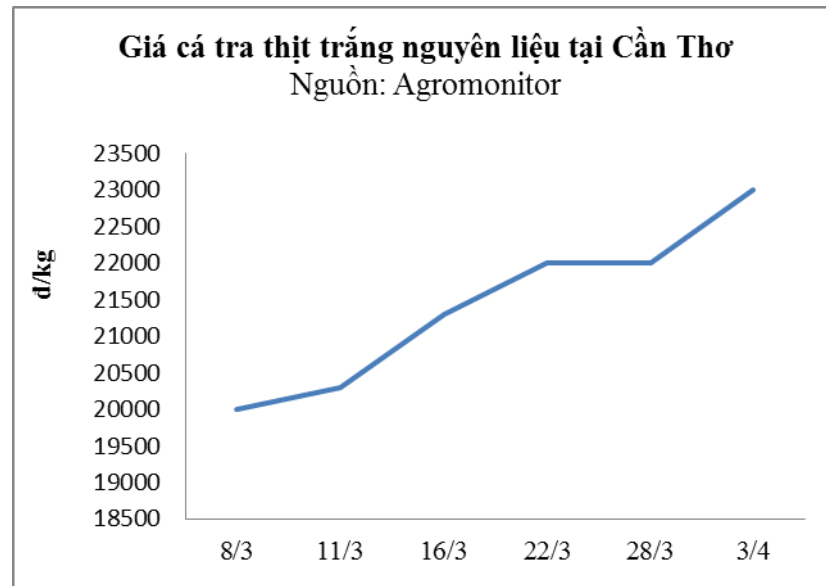
THỦY SẢN



Thị trường trong nước: Giá cá tra thịt trắng nguyên liệu trong size 650-850 g/con tuần này tăng nhẹ lên mức 22.000-23.000 đ/kg. Đối nghịch với tình trạng thiếu nguyên liệu size nhỏ, thị trường lại thừa cá tra nguyên liệu size lớn. Cá quá lứa, nông dân bán cho thương lái mua tiêu thụ nội địa chỉ từ 17.000 – 18.000 đ/kg.

Nhiều ngày qua, tình hình nguyên liệu cá tra tại các tỉnh ĐBSCL tiếp tục nóng. Hiện nay, việc mua cá gặp rất nhiều khó khăn do sản lượng nuôi trong dân bắt đầu cạn. Những người dân nào còn cá trong ao đã không chấp nhận mức giá 22.500 đ/kg như tuần trước mà yêu cầu doanh nghiệp trả cao hơn mới bán. Như vậy, nếu như đầu tháng 3, giá cá chỉ ở mức 19.000 đ/kg thì sang đầu tháng 4 đã vọt lên 23.000 đ/kg và dự báo sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Trong khi nguyên liệu cá trong nước đang mỗi ngày một cạn kiệt thì nhu cầu nhập khẩu cá tra đã tăng so với cùng kỳ khoảng 10% từ các nước Đông Nam Á và Trung Quốc. Qua quan sát thị trường hơn một tháng qua, khác với trước đây, nhà nhập khẩu không ký hợp đồng mua trước do các doanh nghiệp thường đưa ra mức chào giá tháng sau thấp hơn tháng trước. Nhưng nay, do tình hình nguyên liệu thiếu hụt, giá cá tăng từng ngày nên họ buộc phải tranh thủ mua trước để có được giá rẻ, điều này càng giúp cho thị trường cá tra thêm nóng.



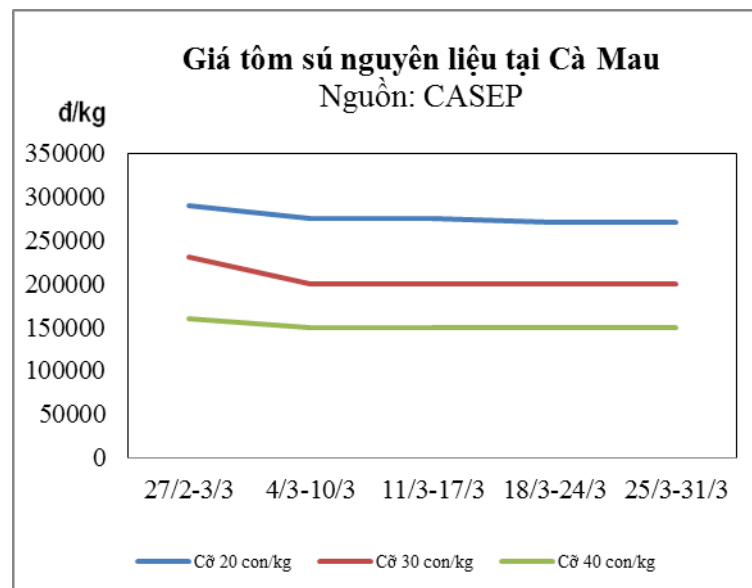
Bên cạnh nhu cầu nhập khẩu đang có xu hướng tăng vọt, giá xuất khẩu cá tra cho các đơn hàng giao trong tháng 4 và tháng 5 đã tăng 30 UScent/kg và dự báo tiếp tục tăng mạnh từ tháng 6 đến tháng 9 tới để hình thành giá xuất trung bình giao động ở mức 2,5 - 2,7 USD/kg. Riêng thị trường Mỹ, các doanh nghiệp tự tin giá giao dịch từ tháng 5 sẽ là 1,5 USD/pound (tương đương khoảng 3,3 USD/kg) và chắc chắn với đà này, giá cá tra xuất khẩu của quý 2/2016 tăng hơn 20% so với quý 1/2016.

THỦY SẢN



Giá tôm nguyên liệu tuần qua tại Cà Mau ổn định so với tuần trước, tuy hiện nay nguồn cung tôm nguyên liệu Cà Mau đang rất thấp, điều này sẽ kéo giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng mạnh trong những ngày tới. Cụ thể, tôm sú cỡ 20 hiện ở mức 270.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg là 200.000 đ/kg và 40 con/kg là 150.000 đ/kg. Tôm thẻ chân trắng cỡ 70 con/kg giữ ở mức 127.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg là 105.000 đ/kg. Theo ghi nhận tại một số địa phương trong tỉnh Cà Mau, hiện độ mặn bình quân từ 30 - 40‰, vượt quá 2 lần độ mặn cho phép tôm nuôi có thể phát triển bình thường. Vấn đề này đang gây khó khăn lớn cho những hộ nuôi tôm trên địa bàn.

Tại Bạc Liêu, do thời tiết không thuận lợi cho việc đánh bắt thủy sản và ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn nên sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy hải sản trong tỉnh Bạc Liêu giảm mạnh. Từ đó, làm cho giá tôm nguyên liệu liên tục tăng. Hiện, giá tôm sú loại 20 con/kg có giá 290.000 đ/kg; loại 30 con/kg có giá 220.000 - 240.000 đ/kg; tôm thẻ loại 100 con/kg có giá 110.000 đ/kg. Bình quân giá tôm nguyên liệu tăng từ 20.000 - 30.000 đ/kg so với cùng kỳ. Giá tôm nguyên liệu tăng làm người nuôi tôm phân khởi. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của thời tiết, ngành nông nghiệp tỉnh khuyến cáo nông dân không vội thả giống tôm nuôi để tránh bị thiệt hại.

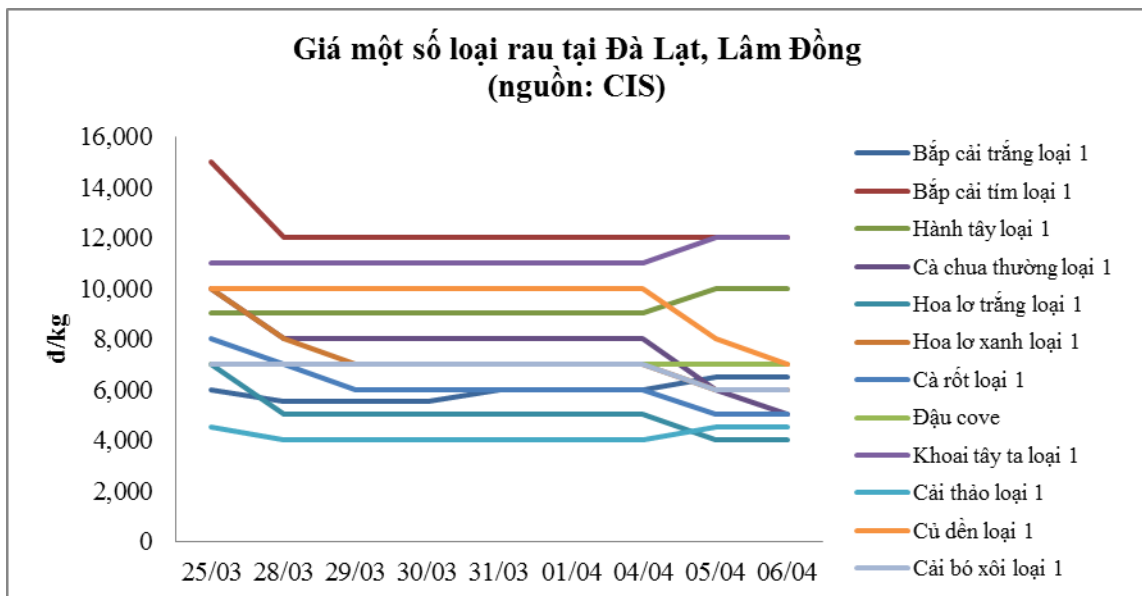


N.V.A

RAU QUẢ



Thị trường trong nước: Là khu vực trọng điểm về trái cây, hiện các tỉnh ĐBSCL đang chuẩn bị vào vụ trái cây hè. Tuy nhiên, tình hình khô hạn kéo dài kèm với xâm nhập mặn đã khiến nhiều nhà vườn đối mặt nguy cơ mất mùa. Nhiều loại cây như chôm chôm, măng cụt... đã ra bông, kết trái nhưng tỷ lệ đậu quả rất ít. Theo các nhà nông, thời tiết bất lợi sẽ khiến năng suất trái cây giảm từ 15 - 25% so với vụ trước. Trước tình hình đó, giá một số loại trái cây đã tăng đáng kể. Tại TP Hồ Chí Minh, giá cam là 20.000 - 25.000 đ/kg, tăng 5.000 đ/kg; chanh tăng 3.000 đ/kg, thanh long tăng gần 2 lần so với tháng trước. Chôm chôm tăng từ 5.000 - 10.000 đ/kg, hiện có giá 30.000 - 50.000 đ/kg. Giá sầu riêng cũng đang tăng mạnh từ 25.000 - 30.000 đ/kg nhưng các nhà vườn vẫn không đủ cung cấp cho thương lái. Tuy nhiên, tại Đà Lạt, Lâm Đồng, thị trường rau củ biến động tăng nhẹ so với tuần trước. Một số loại rau có chiều hướng tăng như cà chua, hành tây cải thảo với mức tăng là 1.000-2.000đ/kg.



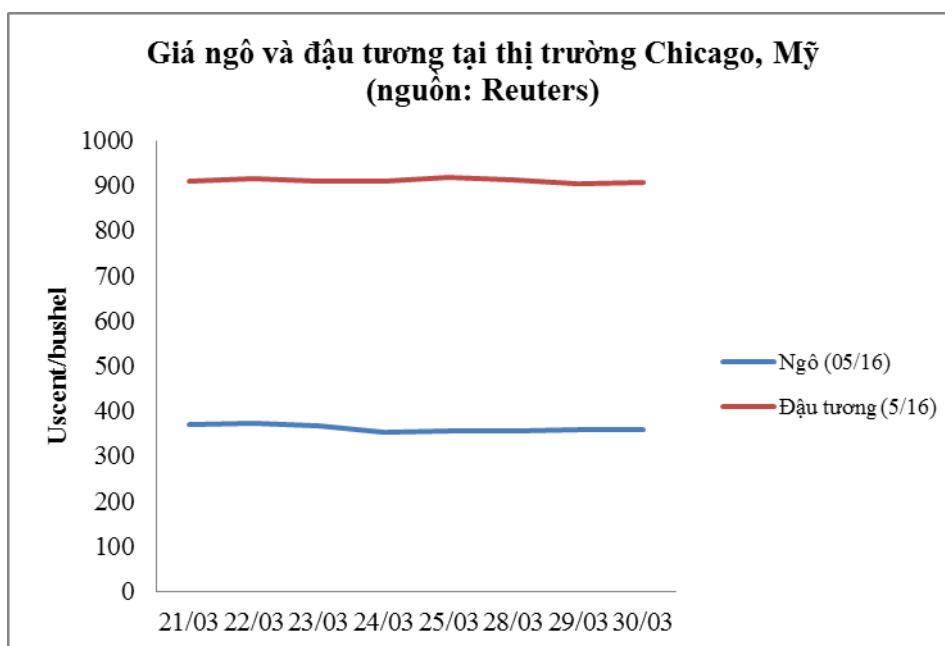
Tình hình xuất nhập khẩu: Dù rau quả Việt Nam đã thâm nhập được một số thị trường khó tính như Nhật, Hàn, Mỹ... nhưng việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu thay vì phụ thuộc vào Trung Quốc vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, kim ngạch xuất khẩu rau quả 3 tháng đầu năm ước đạt 526 triệu USD, tụt 41% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu rau quả Việt Nam nhiều nhất, chiếm đến 71% kim ngạch xuất khẩu. Chỉ tính hai tháng đầu năm nay, Trung Quốc đã nhập hơn 236 triệu USD rau quả Việt Nam. Một trong những nguyên nhân Trung Quốc là thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam là do thị trường Trung Quốc không đòi hỏi chất lượng hàng hóa quá cao như nhiều thị trường khác.

Tuy nhiên, xuất khẩu rau quả Việt Nam chỉ chiếm 0,75% thị phần thế giới (nhập khoảng 240 tỉ USD/năm) và 3,7% thị phần các quốc gia thành viên Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (hiện nhập khẩu tới hơn 50 tỉ USD mỗi năm). Đây là một mặt hàng đầy tiềm năng nếu Việt Nam có chiến lược phát triển hiệu quả.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



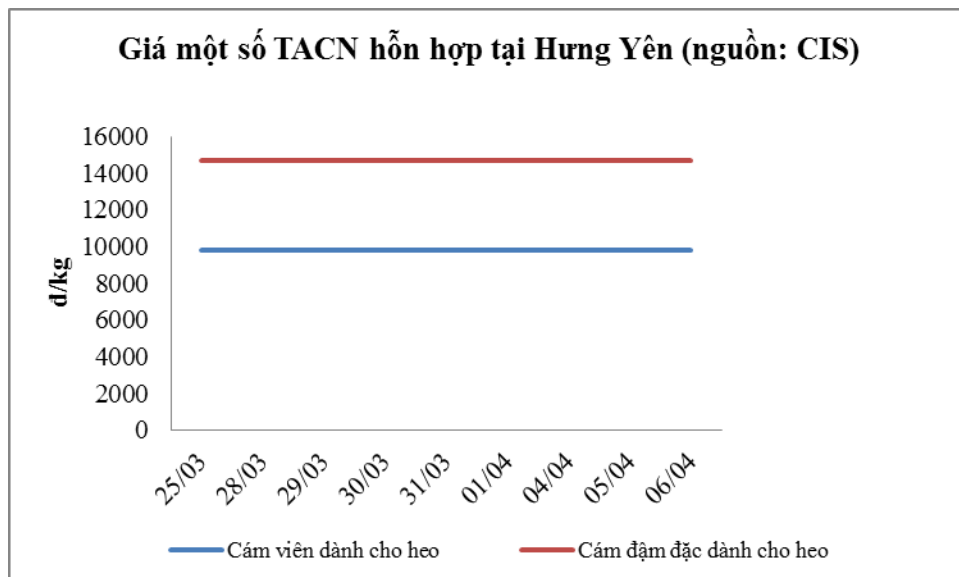
Thị trường thế giới: Theo Reuters, tại thị trường Chicago, Mỹ tuần qua thị trường ngô biến động tăng trong khi thị trường đậu tương biến động không đáng kể. Giá đậu tương hợp đồng giao tháng 5/2016 trong tuần qua giao động quanh mức 905-910 UScent/bushel. Tuy nhiên, mức giá bình quân của mặt hàng ngô hợp đồng giao tháng 5/2016 trong tuần qua là 356 UScent/bushel, giảm 2% so với mức bình quân của tuần trước là 363 UScent/bushel.



Được biết, thời điểm cuối tháng 3/2016, giá khô đậu tương tại Mỹ và Nam Mỹ tăng nhẹ sau một giai đoạn giảm dài nhưng vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Giá khô đậu tương 47 protein giao tháng 4/2016 tại Argentina đạt ở mức 325 USD/tấn, FOB, tăng 9 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm 70 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Dự báo giá khô đậu tương thế giới trong tháng 4/2016 ổn định do nguồn cung dồi dào tại các nước trồng lớn, trong khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu chưa có đột biến.

Thị trường trong nước: Tuần qua, thị trường thức ăn hỗn hợp trong nước vẫn diễn ra tương đối ổn định. Cụ thể, tại Hưng Yên giá cám viên và đậm đặc cho heo vẫn giữ ở mức tương ứng của tuần trước là 9.800đ/kg và 14.700 đ/kg.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Theo số liệu của Trung tâm Tin học và Thống kê, ước khối lượng đậu tương nhập khẩu trong tháng 3/2016 đạt 34 nghìn tấn với giá trị 15 triệu USD, đưa tổng khối lượng đậu tương nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2016 đạt 230 nghìn tấn với giá trị đạt 95 triệu USD, giảm 53,5% về khối lượng và giảm 60,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015.

Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu trong tháng 3/2016 đạt 912 nghìn tấn với giá trị đạt 183 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu ngô 3 tháng đầu năm 2016 đạt 2,18 triệu tấn với giá trị đạt 433 triệu USD, tăng 23,6% về khối lượng và tăng 5,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015. Trong 2 tháng đầu năm 2016, Braxin và Achen-tina là hai thị trường nhập khẩu chính của mặt hàng này, chiếm lần lượt là 89,1% và 9,5% tổng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này. Thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2015 là Lào tăng gấp 2,8 lần về khối lượng và tăng gần 2,7 lần về giá trị. Thị trường có sự sụt giảm mạnh trong tháng này là Ấn Độ, giảm tới 99,7% về khối lượng và 96,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015.

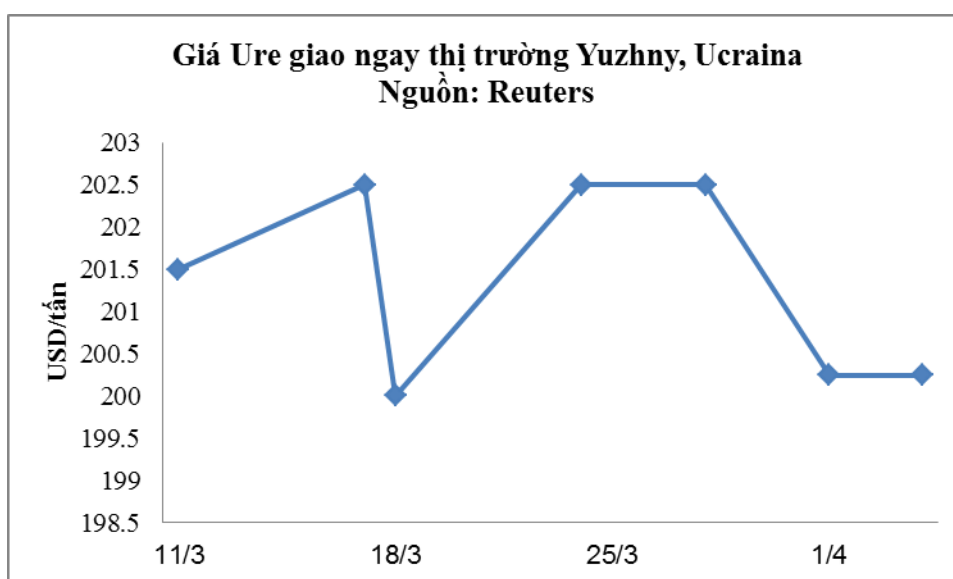
C.D.H

PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Giá Ure tại vịnh Mỹ tiếp tục giảm trong tuần này với mức giảm 6 USD xuống còn 241,5 USD/tấn. Giá Ure bán lẻ ở mức 386 USD/tấn. Giá Ure tại Trung Đông giảm 0,25 USD/tấn xuống mức 202,75 USD/tấn.

Công ty Helwan, Ai Cập bán 10.000 tấn Ure hạt đục tại mức giá 230 USD/tấn FOB cho Công ty Helm nhằm cung cấp cho các đơn hàng đến Pháp và Hy Lạp trong tuần qua.



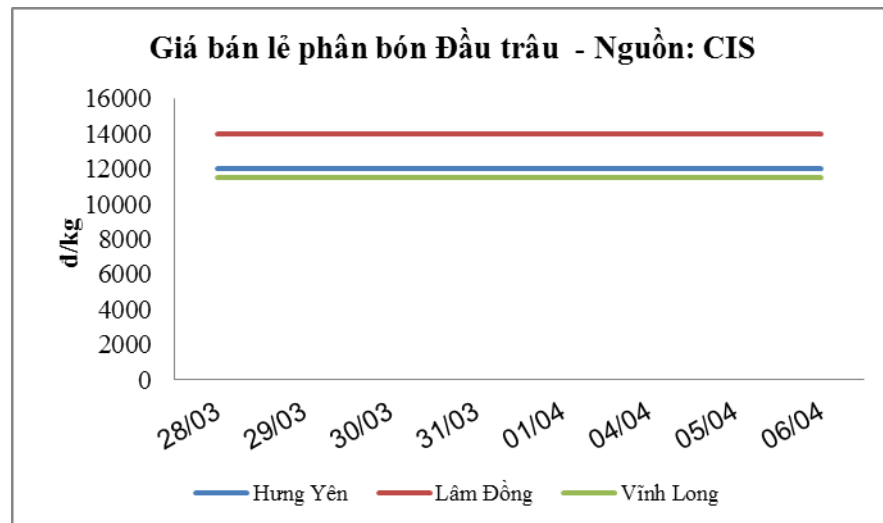
Giá DAP bán lẻ tại Mỹ ổn định trong tuần qua ở mức 463 USD/tấn. Dự báo, giá DAP bán lẻ sẽ giảm xuống khoảng 440 USD/tấn vào mùa hè do nhu cầu giảm.

Thị trường trong nước: Thị trường phân bón trong nước thời gian gần đây nhìn chung diễn biến chậm. Giá các loại phân bón ở mức thấp, lượng hàng tiêu thụ tại một số vùng giảm mạnh như khu vực Miền Trung, Tây Nguyên... do hạn hán và xâm nhập mặn ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất nông nghiệp. Các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên vẫn đang thiếu nước trầm trọng do khô hạn kéo dài.

Tình hình hạn hán tại miền Đông Nam Bộ vẫn diễn ra gay gắt, miền Tây ngập mặn trên diện rộng dẫn đến nhu cầu về phân bón giảm mạnh. Hàng tồn kho hiện nay đang ở mức cao trong khi giá thế giới có xu hướng giảm. Bên cạnh đó, các đơn vị nhập khẩu vẫn đang tăng nhập để giảm giá bình quân cho hàng nhập trước đó. Điều này càng làm cho thị trường ảm đạm. Ở cùng kỳ các năm trước, cùng với nhu cầu trong nước thì nhu cầu phân bón xuất khẩu cho thị trường Campuchia cũng có xu hướng tăng, tuy nhiên Campuchia cũng đang trong thời kỳ khô hạn nên nhu cầu hiện ở mức thấp.

Nhìn chung, thị trường phân bón tại miền Nam diễn ra chậm, giá hàng ở mức thấp dẫn đến các đại lý gần như không có hiện tượng mua hàng dự trữ mà chỉ mua cầm chừng theo nhu cầu thực tế. Thời gian tới khi lượng nước xả về khu vực ĐBSCL đủ, khu vực này mới bắt đầu cho vụ mới thì tình hình có thể được cải thiện. Giá cả các mặt hàng tuần qua vẫn ổn định. Ure Phú Mỹ hạt trong giá là 6.600 - 6.900 đ/kg, Ure Trung Quốc hạt trong 6.100 - 6.200 đ/kg, Ure Ninh Bình hạt trong 6.250 đ/kg.

PHÂN BÓN



Về cơ bản, thị trường phân bón trong nước thời gian gần đây diễn biến ở mức thấp. Tình hình hạn hán và xâm nhập mặn tại khu vực Miền Trung, Tây Nguyên đang ảnh hưởng rất lớn đến thị trường phân bón và sản xuất nông nghiệp trong nước nói chung. Thời gian này giá phân bón thế giới lại liên tục ở mức thấp, lượng hàng tồn kho tại các vùng còn khá lớn khiến giá phân bón khó có thể tăng trong thời gian tới.

HNN



KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI MẶT HÀNG CHÈ XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng xuất khẩu chè tháng 3 năm 2016 ước đạt 7 nghìn tấn với giá trị đạt 10 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 3 tháng đầu năm 2016 đạt 23 nghìn tấn với 35 triệu USD, giảm 5% về khối lượng và giảm 10,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015. Giá chè xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2016 đạt 1.554,2 USD/tấn, giảm 8,3% so với năm 2015. Trong 2 tháng đầu năm 2016, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 39,23% thị phần – tăng 2,74% về khối lượng nhưng giảm 1,35% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015. Các thị trường có giá trị xuất khẩu tăng đột biến là Indonesia (tăng 72,86%), Malaysia (tăng 84,66%) và các TVQ Arập Thống nhất (tăng 19,35%).

Là 1 trong 5 nước xuất khẩu chè nhiều nhất trên thế giới nhưng thương hiệu Chè Việt Nam chưa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường nước ngoài. Các sản phẩm chè của Việt Nam được xuất khẩu đi hơn 100 nước trên thế giới, với nhiều chủng loại chè phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, giá trị của ngành chè nước ta còn thấp, mới chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 230 triệu USD/năm - một con số rất khiêm tốn so với các ngành nông sản khác như cà phê, hồ tiêu...

Hiện nay, cả nước hiện có 124.000 ha diện tích trồng chè với hơn 500 cơ sở sản xuất chế biến, công suất đạt trên 500.000 tấn chè khô mỗi năm. Nhiều vùng chè cho năng suất cao và chất lượng tốt, nổi tiếng trong nước như: Tân Cương (Thái Nguyên), Mộc Châu (Sơn La), Bảo Lộc (Lâm Đồng)... Các sản phẩm chè ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại, đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng trong và ngoài nước như: chè sao lãn, chè xanh, chè Ô Long, chè Hương, chè Thảo dược...

Thế nhưng, khoảng 90% sản lượng chè xuất khẩu vẫn ở dạng nguyên liệu thô, chưa qua chế biến nên giá trị tăng thấp, chủ yếu xuất khẩu vào thị trường dễ tính, rất ít sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường yêu cầu chất lượng cao như EU. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, bên cạnh thuận lợi về giảm thuế quan thì các doanh nghiệp phải chịu sức ép về hàng rào kỹ thuật, nhất là vấn đề an toàn thực phẩm do dư lượng thuốc trừ sâu trong chè của Việt Nam vẫn ở mức cao.

Mặc dù là 1 trong 5 nước xuất khẩu chè nhiều nhất trên thế giới, nhưng thương hiệu chè Việt Nam còn khá mờ nhạt, chưa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới. Nguyên nhân là phần lớn các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chè có quy mô nhỏ, vốn ít, hạn chế về kỹ năng tiếp thị hay đàm phán ký kết hợp đồng với các đối tác nước ngoài.

Thời gian tới, để đảm bảo sản xuất bền vững và tận dụng được cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mang lại, Hiệp hội Chè Việt Nam đang tổ chức các mô hình bảo vệ thực vật tập trung; kiểm soát thời gian cách ly, đảm bảo an toàn cho nguyên liệu đầu vào. Hiệp hội cũng định hướng tổ chức một sàn giao dịch để các đơn vị giới thiệu và bán sản phẩm tạo tiền đề cho sự ra đời trung tâm đấu giá chè sau này.



Để giải quyết các khó khăn nêu trên, các doanh nghiệp chè cần thay đổi mô hình quản trị, tập trung vào thiết kế lại thương hiệu, bộ sản phẩm, bao bì, nhãn mác thật chuyên nghiệp, mang đẳng cấp tương tự với sản phẩm của nước ngoài để tiêu thụ trên các thị trường bán lẻ; nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể tiêu thụ ở thị trường nội địa. Các doanh nghiệp chè phải tận dụng được cơ hội về thị trường, nhất là khi hàng rào thuế quan được dỡ bỏ, nhằm tăng khả năng xâm nhập sâu vào nhiều thị trường.

Các doanh nghiệp cần hướng tới liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chè, quan tâm đặc biệt tới quy trình sản xuất chè an toàn, có chứng nhận được thị trường thế giới công nhận. Người trồng chè cần tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong việc trồng, chăm sóc cũng như sơ chế chè. Có như vậy, ngành chè mới có thể cạnh tranh được với các thương hiệu chè trên thế giới.

HNN

Tài liệu tham khảo:

- Báo Công Thương
- Thông tấn xã Việt Nam
- Tintucnongnghiep.com,
- Vinanet.com.vn
- Tổng Cục Hải quan
- Báo Điện tử Chính phủ

CÁ TRA VIỆT NAM TIẾP TỤC ĐƯỢC XUẤT KHẨU VÀO PANAMA

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) vừa có công văn gửi các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cá tra về việc xuất khẩu cá tra vào Panama.

Sau khi nhận được thông báo về tình hình cảnh báo các lô hàng cá tra của Việt Nam xuất khẩu vào Panama bị phát hiện nhiễm vi sinh vật gây bệnh và chế độ kiểm soát chặt chẽ các lô hàng cá tra nhập khẩu từ Việt Nam, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD) đã triển khai tích cực và khẩn trương các biện pháp khắc phục.

Ngày 09/03/2016, theo thông tin từ Đại sứ quán Việt Nam tại Panama, cơ quan thẩm quyền Panama đã thông báo: Cơ quan thẩm quyền Panama đồng ý cho phép lưu thông, phân phối các lô hàng thủy sản của Việt Nam đã nhập khẩu vào Panama có kết quả kiểm nghiệm cho thấy không bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh.

Các lô hàng cá tra của Việt Nam (bao gồm các lô hàng được sản xuất bởi các doanh nghiệp có lô hàng bị cảnh báo nhiễm vi sinh vật gây bệnh) vẫn tiếp tục được phép xuất khẩu vào Panama và sẽ lấy mẫu kiểm nghiệm, nếu kết quả đạt yêu cầu sẽ cho thông quan và lưu thông trên thị trường Panama.

Để tránh việc Cơ quan thẩm quyền Panama phát hiện thêm các lô hàng cá tra của Việt Nam bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh khi thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm tại cửa khẩu, đặc biệt là các lô hàng được sản xuất bởi các doanh nghiệp đã có báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục phù hợp, NAFIQAD yêu cầu các doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ các điều kiện bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong toàn bộ các công đoạn sản xuất, đồng thời thực hiện kiểm tra, phân tích các chỉ tiêu vi sinh đối với các lô hàng xuất khẩu vào Panama và các thị trường khác chưa yêu cầu chứng thư được cấp bởi Cơ quan thẩm quyền tại Việt Nam như đã nêu tại văn bản số 245/QLCL-CL1 ngày 05/02/2016. Cần cân nhắc lựa chọn các phòng kiểm nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định nhằm đảm bảo độ tin cậy của kết quả phân tích. Tuyệt đối không trộn lẫn các lượng hàng khác vào lô hàng đã được lấy mẫu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Trong nước										
Cà phê nhân xô vôi	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	33100	33100	33200	33400	33300	33100	32900	32600
Cà phê nhân xô vôi	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	32500	32500	32500	33000	33000	32500	32500	32300
Thế giới										
Cà phê Robusta (5/16)	London - Anh	USD /tấn		1496	1504		1485	1474	1457	1470

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Thế giới										
cao su RSS3 (4/16)	TOCOM- Nhật Bản	Yên/kg	170,7	168,8	171,1	170	170,5	172,8	175,3	175,4
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	54,5	54,75	54,75	54,25	55	55,5	56,5	
SIR20 BELAWAN NN (4/16)	Indonesia	Uscent /kg	143,5		147	149		152,5	153	158

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Đường trắng (5/16)	London - Anh	USD /tấn		453,2	454,4	444,7	436,8	423,2	419,3	419,4

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Gỗ xẻ (5/16)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	309	312,9	312,3	310,7	300,7	292,6	288,7	293,8

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	27000	27000	27000	27000	27000	27000	27000	27000
Gà trống ta hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	80000	80000	80000	80000	80000	80000	80000	80000
Lợn hơi	Vĩnh Long- Chợ Vũng Liêm	đ/kg	41000		41000		41000	41000		41000
Lợn hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	41000	41000	41000	39000	39000	39000	39000	39000
Thế giới										
Lợn hơi (4/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	69,93	70,25	68,925	68,35	67,8	67,675	67,375	67,5

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hưng Yên- Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hưng Yên- Yên Mỹ	đ/kg	14700		14700		14700	14700		14700
Thế giới										
Ngô (05/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	370,5	373	367	351,5	354	354,5	356,75	358
Đậu tương (5/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	909	916	909	910,75	918,25	913,5	904,75	908

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Trong nước										
Phân Đầu trâu L1	Hung Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	12000		12000		12000	12000		12000
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
NPK 20-20-15	Vĩnh Long- Bình Minh	đ/bao 50kg	575000		575000		575000	575000		575000
Thế giới										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn					200.25	200.25		

HẠT TIÊU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Hạt tiêu đen	Bình Phước- Huyện Bù Đốp	đ/kg	160000		160000		160000	160000		160000
Hạt tiêu đen	Đắc Lắc- TP Buon Mê Thuột	đ/kg	149000	147000		147000	147000	148000	150000	150000

HẠT ĐIỀU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Hạt điều tươi	Bình Phước- Huyện Bù Đăng	đ/kg	32500		32700		32700	33000		33500

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	120000	120000		120000	120000	120000	120000	
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	200000	200000		200000	200000	200000	200000	
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	140000	140000		140000	140000	140000	140000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000	13000		13000	13000	13000	13000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000	8000		8000	8000	8000	8000	
Sản xuất chè xanh (giá L1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Sản xuất chè đen (giá L1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	4000	4000	4000	4000	4000	4000	4000	4000
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg					2.9		2.57	

THỦY SẢN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	270000		270000		270000	280000		280000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	320000		320000		320000	330000		330000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	22500		22500		22500	22500		23000
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	350000		350000		350000	350000		350000
Cá tra	An Giang	đ/kg	20000	20000	20000	23000	23000	23000	23000	23000
Tôm càng xanh	An Giang	đ/kg	220000	220000	220000	220000	220000	220000	220000	220000

QUẢ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	38000	38000	38000	37000	37000	40000	40000	40000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	20000	20000	20000	18000	18000	20000	20000	20000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	30000	30000	30000	28000	28000	30000	30000	30000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	29000	29000	29000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	52000	52000	52000	50000	50000	48000	48000	48000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	60000	60000	60000	58000	58000	68000	68000	68000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	62000	62000	62000	58000	58000	70000	70000	70000

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			28/03	29/03	30/03	31/03	01/04	04/04	05/04	06/04
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	5500	5500	5500	6000	6000	6000	6500	6500
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	10000	10000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	6000	5000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	5000	5000	5000	5000	5000	5000	4000	4000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	7000	7000	7000	7000	7000	6000	6000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	6000	6000	6000	6000	6000	5000	5000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	11000	11000	11000	11000	11000	11000	12000	12000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	4000	4000	4000	4000	4000	4000	4500	4500
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	8000	7000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	6000	6000